

(TÀI LIỆU THAM KHẢO)

Các đảo và việc hoạch định không gian biển ở Biển Đông

Jon M.Vandyke
*Trưởng Luật William S.
Richardson,
Đại học Tổng hợp Hawaii*

Dale L. Bennett
*Moon, O'Connor, Tam &
Yuen, Honolulu*

Ban Biên giới của Chính phủ

**Các đảo
và
việc hoạch định
không gian biển
ở Biển Đông**

(TÀI LIỆU THAM KHẢO)

GIỚI THIỆU *

Biển Đông (biển Nam Trung Hoa) là một biển nửa kín. Phần lớn vùng biển này là một thềm lục địa nông có tiềm năng về tài nguyên dầu khí. Những đảo nhỏ bé nằm dày đặc trên biển này. Trong toàn bộ quá trình lịch sử, những đảo nhỏ này hầu như bị bỏ qua hoặc bị xem như những nơi nguy hiểm cho hàng hải. Ngày nay, chúng lại được coi là có tầm quan trọng thực sự bởi vì quyền sở hữu chúng có thể dẫn tới quyền sở hữu các tài nguyên biển nằm gần cận chúng. Trong những năm gần đây đã có nhiều cuộc đụng độ quân sự xảy ra ở khu vực này.

Tuy nhiên, các đảo nhỏ này không thể được coi là có tầm quan trọng trong việc hoạch định các ranh giới biển trong Biển Đông. Vì hầu hết chúng không có người sinh sống và không thể duy trì một đời sống kinh tế riêng, do đó chúng không thể được xem như có thể tạo ra các vùng đặc quyền về kinh tế hoặc các thềm lục địa. Ngay cả khi những hòn đảo đó có người định cư thì chúng chỉ có thể được quyền đòi hỏi "một phần hiệu lực" trong việc tạo ra các vùng biển. Bởi vậy, những nhân tố khác sẽ đóng vai trò lớn hơn cho một giải pháp hoạch định ranh giới trong vùng biển này, và các quốc gia trong khu vực cần xem xét đến phương sách cùng phát triển một khi cuộc tranh chấp về biên giới vẫn tiếp tục mà dường như không thể tìm thấy lối thoát.

In tại Trung tâm Thông tin - Tư liệu
103 Quan Thánh
Hà Nội
Việt Nam

Đt : 08 04 38 79
 8 45 36 15
Fax: 8 23 69 20
E-mail: vinh@cori.ac.vn

DỊA LÝ BIỂN ĐÔNG

Biển Đông trải dài từ đường ranh giới phía Tây Nam dọc theo vĩ tuyến 3° Nam nằm giữa Sumatra và Kalimantan cho

dến đường chạy theo hướng Đông Bắc nối từ mũi phía Bắc của Đài Loan tới bờ biển Phúc Kiến của Trung Quốc. Đường ranh giới này tạo ra một vùng biển nửa kín rộng khoảng 35 triệu km² với 90% chủ vi của nó nằm trên các vùng đất liền của Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam, Thái Lan, Singapore, Malaysia, Indonesia, Brunei và Philippine (Hình 1).

Căn cứ vào độ sâu mực nước, Biển Đông có thể được chia làm hai khu vực riêng biệt. Bồn sâu Trung Hoa nằm ở phần Đông Bắc và là một khu vực rộng khoảng 17,55 triệu km² hoặc chiếm 52% tổng diện tích biển này. Phần còn lại 48% là một vùng thềm lục địa rộng có độ sâu nhỏ hơn 200 m. Nơi sâu nhất nằm ở phía ngoài bờ biển của đảo Palawan là 5.016 m và có một bình nguyên sâu thẳm với độ sâu trung bình 4.300 m¹.

Biển Đông còn có nhiều đảo nhỏ bé khó có thể nhìn thấy trên bản đồ tỷ lệ trung bình². Phần lớn những đảo nhỏ này

¹ Dang trong Niên giám về biển, quyển 10, NXB Trường Đại học Chicago, 1993, trg. 54-89.

² Mark J. Valencia, "Biển Đông" *Chính sách Biển 2* (4/1978): 87, trích dẫn Klaus Wyrtki, *Hải dương học tự nhiên của các vùng biển Đông Nam Á*, Những kết quả nghiên cứu khoa học biển ở Biển Đông và vịnh Thái Lan 1950-1961, Báo cáo của NAGA, tập 2, (La Jolla: Viện Hải dương học Scripps, trường Đại học tổng hợp California, 1961), trg. 10-11; và John C. Mart, *Quản lý tài nguyên thủy sản ở Đông Nam Á*, Tài liệu về Các tài nguyên cho tương lai, Bản ghi nhớ số 7, Chương trình nghiên cứu quốc tế về các thỏa thuận nghề cá (tháng 2/1976), trg. 4.

³ Choong-Ho Park, "Những tranh chấp ở Biển Đông: Ai là chủ nhân của các quần đảo và tài nguyên thiên nhiên", *Phát triển Đại dương và Luật quốc tế 5* (1978):trg. 28.



Hình 1. Các quần đảo trong Biển Đông. Nguồn. - Marwyn S. Samuels, *Cuộc chiến tranh giành Biển Đông* (New York: Methuen, 1982).

không có gì khác hơn ngoài các rạn san hô bao xung quanh hoặc những bãi đá không đảm bảo cho con người đến ở. Về khía cạnh lịch sử, chúng không được sử dụng cho bãi cứ mục đích nào ngoài làm chỗ nấp tạm hoặc những điểm mốc cho những người đi biển hoặc những người đánh cá³. Những đảo nhỏ này hợp thành những bãi như bãi ngầm Macclesfield (Chingsa); quần đảo Hoàng Sa (Hsisha) nằm trên bồn sâu của Biển Đông; và, nhóm Nguy Hiểm bao gồm những bãi đá, bãi ngầm và các đảo, kể cả quần đảo Trường Sa (Nansha)⁴.

QUẦN ĐẢO HOÀNG SA

Quần đảo Hoàng Sa nằm ở khoảng giữa vĩ tuyến 16° và 17° Bắc, và kinh tuyến 111° và 113° Đông, ở phía Đông Nam đảo Hải Nam⁵. Quần đảo này có 15 đảo rất nhỏ với tổng diện tích khoảng 3 km^2 .

Những người Trung Hoa Dân quốc tiếp quản quần đảo Hoàng Sa từ tay người Nhật vào cuối chiến tranh thế giới thứ hai, nhưng vào năm 1949 họ đã rút đi khi họ về Đài Loan. Sau đó, Chính phủ Nam Việt Nam đưa quân đến, nhưng đến năm 1974 họ buộc phải rút sau một trận đánh với lực lượng quân sự

³ Tài liệu đã dẫn.

⁴ Valencia (chú giải số 1 ở trên), trg. 88.

⁵ Carolyne La Grange, *Những tranh chấp ở Biển Đông: Trung Quốc, Việt Nam, Đài Loan và Philippines*, Tài liệu nghiên cứu của Viện Môi trường và Chính sách, Trung tâm Đông-Tây, Honolulu (1980), trg. 32-33, Hình 8.

của Trung Quốc lục địa⁶. Được biết, hiện nay có khoảng 4.000 người Trung Quốc đang sống ở quần đảo Hoàng Sa, phần lớn họ sống ở đảo Phú Lâm (Woody) - đảo lớn nhất trong quần đảo này⁷ và là đơn vị đồn trú chính của Trung Quốc ở quần đảo Hoàng Sa. Những bức ảnh đã được Trung Quốc đưa ra cho thấy có nhiều nhà được xây dựng trên một số đảo của quần đảo này. Thêm vào đó được biết, ở một vài đảo đã có cảng cá ứng cho các hoạt động hàng hải và đánh cá. Một vài đảo có kênh, đập, trạm quan sát khí tượng thủy văn và những nhà lưu niệm⁸.

Từ năm 1974, Trung Quốc và Việt Nam đã giao tranh nhiều lần trên ở quần đảo Hoàng Sa. Trung Quốc đã bắt giữ 24 lính Việt Nam ở quần đảo Hoàng Sa vào ngày 10/4/1979⁹. Vào ngày 23/7/1979, Trung Quốc đã tuyên bố bốn vùng khác nhau ở phía ngoài đảo Hải Nam gần quần đảo Hoàng Sa là những vùng nguy hiểm và cấm tất cả các chuyến bay qua đó ở độ cao giữa 1.000 m và 20.000 m. Vùng nguy hiểm ở quần đảo Hoàng Sa bao trùm lên cả đá Bắc là khu vực Trung Quốc tiến

⁶ Christopher S. Wren, "Ai là những người ngoại quốc ở Biển Đông?" *Thời báo New York* (9/2/1983): trg. 2, cột 3.

⁷ Tài liệu đã dẫn.

⁸ La Grange (chú giải số 5), trg. 32. Quần đảo Hoàng Sa gồm bãi đá ngầm phía Bắc, bãi Bình Sơn (bao gồm cụm An Vĩnh và đảo Phú Lâm), cụm Lưỡi Liềm, đá Chim Yến, đá Lồi, đá Bạch Quy, đảo Tri Tôn, đá Bồng Bay, bãi Chân Nhại và đảo Linh Côn (Hình 8). Về tổng thể, xem Marwyn S. Sammuels, *Cuộc chiến Biển Đông* (New York: Methuen, 1982), trg. 183-187; Dieter Heinzig, *Các quần đảo tranh chấp ở Biển Nam* (Hamburg: Học viện các vấn đề châu Á, 1976).

⁹ Geoffrey Murston, "Việc từ bỏ yêu sách lãnh thổ: Các trường hợp Bouvet và quần đảo Trường Sa", *Niệm giám Luật quốc tế của Anh năm 1986* (Oxford: Nhà xuất bản Clarendon, 1987), trg. 337, 354, trích dẫn *Thời báo Kinh tế Viễn Đông* (ngày 22/2/1980): 5.

hành các cuộc tập trận hải quân và không quân¹⁰. Hành động này đã bị Việt Nam và Tổ chức Hàng không Dân dụng thế giới phản đối vì nếu tuân theo tuyên bố của Trung Quốc có nghĩa là đồng ý một tuyên hàng không dân dụng quan trọng qua khu vực này¹¹.

Sự kiện tiếp theo giữa Trung Quốc và Việt Nam liên quan đến quần đảo Hoàng Sa xảy ra vào tháng 3/1982 khi lực lượng biên phòng của Trung Quốc bắt giữ một tàu do thám của Việt Nam và 10 thủy thủ của chiếc tàu này¹². Có thể việc bắt giữ này nhằm để trả đũa cho một sự kiện đã xảy ra vào ngày 3/3/1982 trên Biển Đông, khi hai tàu chiến của Việt Nam đã bao vây 11 tàu đánh cá Trung Quốc. Phía Trung Quốc nói rằng một trong số những chiếc tàu đánh cá với đoàn thủy thủ 18 người đã bị nổ là kết quả của cuộc bao vây. Một thuyền đánh cá khác đã bị pháo của Việt Nam bắn 14 lần, làm thuyền trưởng và 5 thành viên của đoàn thủy thủ bị thương, còn chiếc tàu thứ ba bị bốc cháy sau khi bị tấn công bằng đạn pháo, còn lại đoàn thủy thủ của tàu đã bị Việt Nam bắt giữ¹³.

¹⁰ Marton (chú giải số 9), trang 354.

¹¹ La Grange (chú giải số 5), trang 32-33.

¹² Christopher S. Wren, "Trung quốc bắt giữ thuyền Việt Nam gần quần đảo tranh chấp", *Thời báo New York*, (12/3/1982); trang 10, cột 6, trích dẫn nguồn của Tân Hoa xã.

¹³ Tài liệu đã dẫn. Thông báo của Việt Nam về sự cố này, đài Hà Nội và Thông tấn xã Việt Nam đưa tin sớm hơn, khẳng định rằng Trung Quốc đã điều 40 tàu chiến vào vùng biển Việt Nam chỉ cách từ 4 đến 10 hải lý ngoài bờ biển tỉnh Bình Tri Thới. Việt Nam đã tố cáo rằng sự có mặt của Trung Quốc ở vùng biển Việt Nam là nhằm mục đích hoạt động gián điệp cũng như phá hoại hoạt động của ngư dân Việt Nam. Việt Nam cũng đưa tin là Trung Quốc đã làm thiệt hại một tàu đánh cá Việt Nam trong khi thăm nhập vào vùng biển Việt Nam.

Vào ngày 10/6/1988, Trung Quốc thông báo sẽ xây dựng hải trung tâm kiểm soát không lưu để phục vụ cho các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Trung tâm thứ hai sẽ được xây dựng trên đảo Hoàng Sa (Xiba) ở quần đảo Hoàng Sa để giám sát bầu trời trên quần đảo Trường Sa. Rõ ràng cách đưa ra lời tuyên bố này, Trung Quốc đã thể hiện rõ ràng họ làm mọi cách duy trì vị trí của họ trên quần đảo Hoàng Sa¹⁴.

QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA

Quần đảo Trường Sa được mô tả trên các hải đồ là "Nhóm đảo Nguy Hiểm". Các nhà địa lý không chấp nhận cách định nghĩa đơn giản như vậy cho một khu vực có nhiều đảo tạo thành một nhóm đặc biệt này, nhưng phần lớn những nhà quan sát lại gộp những đảo trong Biển Đông ở phía Nam vĩ tuyến 12° Bắc và phía Đông của kinh tuyến 111° Đông vào quần đảo Trường Sa trừ những đảo nằm trong phạm vi 40 hải lý cách bờ biển Brunei và Malaysia và nằm trong các ranh giới của hiệp ước về quần đảo Philippine¹⁵.

Nhóm đảo này bao gồm 33 đảo, bãi cạn và đảo đá luôn luôn nổi trên mặt nước, trong số đó có 22 vị trí đảo nằm dọc theo đường trực giữa kinh tuyến 113°30' và 115° Đông. Trực

¹⁴ Hàng thông tấn xã Pháp, *Trung Quốc xây dựng những trung tâm kiểm soát không lưu để không chế quần đảo Trường Sa* (ngày 10/6/1988, 03:4;20).

¹⁵ Xem ví dụ, J. R. V. Prescott, *Quyền tài phán trên biển ở Đông Nam Á: Bình luận và bản đồ*, Báo cáo của Viện nghiên cứu Chính sách và Môi trường Đông-Tây, số 2 (Honolulu, 1981), trang 30.

này dài 315 hải lý và chạy từ bãi đá ngầm Louisa ở phía Nam tới đảo Song Tử Đông ở phía Bắc¹⁶.

Việc tranh chấp quyền sở hữu quần đảo này đã và đang diễn ra trong nhiều năm qua. Trong năm 1978, có ít nhất 13 trong số 33 đảo đã bị chiếm giữ: Philippine chiếm 7 đảo, Việt Nam chiếm 5 đảo và Đài Loan chiếm 1 đảo ở quần đảo Trường Sa¹⁷. Từ đó đến nay, nhiều cuộc đụng độ thường xuyên xảy ra giữa các quốc gia cạnh tranh nhau kiểm soát quần đảo này và

¹⁶ Tài liệu đã dẫn, Xem Sáng 1 về vị trí, mô tả chi tiết và tên gọi các đảo, bãi, cồn cát bùn lցng Trung Quốc, Việt Nam, Philippine.

¹⁷ Tài liệu đã dẫn, tr. 31. Quần đảo Trường Sa có 13 bãi không bị chiếm đóng.

Từ tháng 4/1978, Philippine chiếm bảy 7 đảo sau: đảo Thị Tứ, Vĩnh Viễn, Bình Nguyên, Bên Lạc, Loại Ta, Song Tử Đông và đảo Loại Ta). Quốc tính Philipin có khoảng 1.000 lính thủy đóng trên các đảo này. Tổng diện tích mặt đất của các đảo Philippine chiếm vào khoảng 112 ha. Đảo Thị Tứ là căn cứ đầu tiên của Philippine ở quần đảo Trường Sa: "Nó có một đường băng dài 5.500 bộ thường dùng cho các máy bay chiến đấu "cũ" loại T-28 và máy bay vận tải Hercule C-47 cũng như máy bay dân dụng thực hiện một tuần hai chuyến đến đó. Ở đó cũng có bến đậu và kho lạnh 10 tấn cho tàu đánh cá. Có khoảng 100 thường dân - phần lớn những người dự bảo thời tiết và đánh cá chuyên nghiệp - sống ở đảo Thị Tứ... Đảo Vĩnh Viễn được tiếp tế thông qua một đường băng nhỏ" (tr. 20).

Tiếp theo, Việt Nam chiếm các đảo hoặc bãi trong quần đảo Trường Sa như sau: đảo Song Tử Tây, Nam Yết, Sinh Tồn, An Bang và Trường Sa. Trong tháng 4/1978, Việt Nam có khoảng 350 lính đóng ở Song Tử Tây, Nam Yết và Sinh Tồn. Tổng diện tích bờ biển các đảo Việt Nam chiếm giữ khoảng 80 ha.

Trong tháng 4/1978, Đài Loan đã có 600 lính trên đảo duy nhất mà họ chiếm đóng, đảo Thái Bình (Ilu Abe). Đây là đảo rộng nhất trong quần đảo Trường Sa, khoảng 4 ha (xem các tr. 29-39).

vùng biển nằm kế cận nó. Ví dụ, ngày 20/6/1979, Việt Nam đã giết chết 85 người tị nạn Việt Nam khi thuyền của họ mạo hiểm di sát vào một trong số những đảo Việt Nam có đơn vị đồn trú. Được biết các lực lượng quân sự ở đó đã sử dụng vũ khí hạng nặng gồm cả súng cối để xử lý việc này¹⁸. Trong năm 1976, Philippine đã thông báo máy bay trực thăng của họ bị phía Việt Nam bắn cháy trong khi đang bay gần đảo Song Tử Tây¹⁹.

Trung Quốc cũng đang cố gắng củng cố sự hiện diện của họ trong khu vực, thường xuyên đưa tàu chiến vào khu vực

¹⁸ Tài liệu đã dẫn, tr. 21.

¹⁹ Tài liệu đã dẫn, tr. 21-22. Trong năm 1980, có tin là Việt Nam và Philippine đang tăng cường sức mạnh quân sự của họ trên các đảo họ chiếm đóng. Philippine có khoảng 1.000 lính thủy đóng trên bảy đảo này. Philippine có các căn cứ quân sự lớn ở Puerto Princesa, Palawan. Được biết Palawan có lực lượng gồm 500 lính với máy bay chiến đấu và máy bay trực thăng tuần tra cũng như căn cứ hải quân và đào tạo lính thủy ở phía Tây của đảo. Từ Puerto Princesa, máy bay trực thăng của Philippine bay tuần tra vùng trời hai lần một ngày trên khắp quần đảo. Hải quân Philippine tiến hành tuần tra thường xuyên trong khu vực này. Chính phủ Marcos đã thể hiện sức mạnh quân sự và sự có mặt của họ ở quần đảo Trường Sa nhằm ngăn chặn Việt Nam và Liên Xô tìm cách kiểm soát khu vực này.

Năm 1980, Việt Nam đã có một đơn vị chỉ với 350 lính đóng trên đảo Song Tử Tây, Nam Yết và Sinh Tồn. Chỉ huy sở đóng tại Song Tử Tây, cách doanh trại chính của Philippine ở đảo Thị Tứ chỉ 25 hải lý về phía Tây Bắc. Vì hai doanh trại này rất gần nhau, được biết rằng Việt Nam phòng thủ đảo của họ bằng vũ khí chống máy bay và pháo bờ biển hạng nặng. Mặc dù không khẳng định, nghe nói rằng Việt Nam được Liên Xô xây dựng cho một đường băng trên đảo này. Trong năm 1980 được tin: Liên Xô đã viện trợ cho Việt Nam 3 triệuдолa một ngày.

này²⁰. Ngày 14/3/1988, các tàu của Việt Nam và của Trung Quốc đã dồn pháo ở khu vực quần đảo Trường Sa làm ba lính Việt Nam chết và hơn 70 người mất tích²¹. Báo Trung Quốc sau đó đã đưa tin rằng Trung Quốc xây dựng một trạm quan sát biển và chỗ ở cho các nhà quan trắc và khoa học làm việc trên một bãi san hô trong quần đảo Trường Sa²². Malaysia cũng nhắc lại mối quan tâm của họ trong quần đảo này và vào tháng 6/1988 họ đưa tin rằng họ có lực lượng vũ trang trên ba đảo san hô ở khu vực tranh chấp này²³. Trong tháng 7/1988, Bộ trưởng Ngoại giao Malaysia, Abu Hassan Omar, đề nghị năm quốc gia có yêu sách đối với các đảo trong quần đảo Trường Sa cùng tổ chức đàm thoại để giảm bớt sự căng thẳng trong khu vực này²⁴. Vào tháng 12, 19 quan chức Trung Quốc khi tham dự một diễn đàn tổ chức ở Quảng Châu đề kỵ niệm lần thứ 42 ngày lấy lại các quần đảo trong Biển Đông từ tay Nhật Bản, đã hứa giúp Đài Loan bảo vệ đơn vị đồn trú của họ trên đảo họ đang chiếm giữ - đảo Ba Bình - nếu bị Việt Nam

²⁰ Xem, ví dụ, Christopher S. Wren, "Các yêu sách đối nghịch làm lu mờ cuộc chiến Trung Quốc-Việt Nam", *Thời báo New York* (13/5/1984): 20, cột 4.

²¹ Thông tấn xã Pháp, *Trung Quốc xây dựng các trung tâm kiểm soát không lưu* (chú giải số 14 ở trên), trích nguồn tin của Việt Nam.

²² Thông tấn xã Pháp, *Trung Quốc tăng cường lực lượng Hải quân và Không quân ở quần đảo Trường Sa* (26/5/1988, 03: 04: 05), trích báo *Ta Kung Pao* của Trung Quốc.

²³ Thông tấn xã Pháp, *Malaysia có quan đài trên ba đảo ở quần đảo Trường Sa* (27/6/1988, 23: 52: 49) trích - Thủ trưởng Ngoại giao Malaysia, Adibullah Fadzil Chewan.

²⁴ Thông tấn xã Đức - Đại diện, *Bộ trưởng Malaysia kêu gọi đảm bảo về quần đảo Trường Sa* (2/7/1988, 06: 57:29).

đe doạ²⁵. Lời tuyên bố đó đưa ra rằng 21 đảo trong quần đảo Trường Sa đang bị Việt Nam chiếm đóng, 11 đảo khác bị Philippine và Malaysia kiểm soát²⁶.

Các yêu sách hiện nay liên quan tới các quần đảo

Yêu sách của Cộng hoà nhân dân Trung Hoa

Trung Quốc vẫn kiên trì với tuyên bố rằng quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc lãnh thổ Trung Quốc từ thời xa xưa²⁷. Yêu sách lịch sử này dựa trên nhiều tài liệu được ghi chép từ thế kỷ thứ hai sau công nguyên²⁸. Trung Quốc lập luận rằng bằng chứng lịch sử chưa đựng sự thật là người Trung Quốc là người đầu tiên sớm nhất phát hiện, khai thác và phát triển quần đảo Trường Sa. Tuy thế, không ai biết Biển Đông và các quần đảo ở đó thoát đâu đã được coi như là một bộ phận của thế giới Trung Quốc như thế nào và khi nào. Biển Đông chắc hẳn không có trong từ điển địa lý Trung Quốc ở bất cứ triều đại nào sớm hơn triều đại nhà Hán cùng với sự đe ý của

²⁵ Thông tấn xã Pháp, *Trung quốc cam kết hợp tác với Đài Loan bảo vệ quần đảo Trường Sa* (16/12/1988, 01: 15: 36).

²⁶ Tài liệu đã dẫn.

²⁷ La Grange (chú giải số 5 ở trên), tr. 23. Nhìn chung, xem Hungdah Chin và Cheon-Ho Park, "Bản chất pháp lý của các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa", *Phát triển Đại dương và Luật Quốc tế*, số 1 (1975): 9-20.

²⁸ La Grange (chú giải số 5 ở trên), tr. 23, trích "Chủ quyền không thể tranh cãi của Trung Quốc đối với các quần đảo Tây Sa và Nam Sa", *Tạp chí Beijing* (18/2/1980): 15-16.

Các đảo và việc hoạch định không gian biển ở Biển Đông

Trung Quốc về phương Nam²⁹. Trong thời đại đó, Mã Viện đã dẫn một hạm đội khoảng 2.000 chiến thuyền thực hiện việc xâm chiếm Jih-Nan (Bắc Việt Nam) - một đất nước chắc chắn đã di dời vươn ra đến các quần đảo ở Biển Đông. Sau thành quả của cuộc chinh phạt bằng quân sự thành công này, Biển Đông trở thành một khu vực nằm trong sự chú ý của các nhà lịch sử và địa lý Trung Quốc³⁰, nhưng họ lại không có những giải thích cụ thể nào về các quần đảo và các bãi san hô của Biển Đông trong vài thế kỷ³¹.

²⁹ Sammuels (chú giải số 8 ở trên), trg. 10.

³⁰ Tài liệu đã dẫn.

³¹ "Mặc dù những phát hiện khảo cổ học gần đây ở quần đảo Hoàng Sa khẳng định vài mối quan hệ với quần đảo ngay từ thời kỳ đầu triều đại Wang Mang (9-23 sau C.N.), không có bằng chứng cho rằng mối quan hệ như vậy chỉ liên quan tới Trung Quốc. Ngược lại, truyền thống biển nội Tien-Chu (Ấn Độ) và Fu-nan (Cambodia) với Canton (được biết đó là Nan-hai chun hay dịch nghĩa là Biển Nam) được thiết lập ở thế kỷ đầu, nhưng không phải là thủy thủ Trung Quốc chiếm vị trí độc tôn trong nhiều thế kỷ sau đó. Ngay cả khi tầm quan trọng về thương mại ở Biển Nam tăng lên trong những thế kỷ III và IV, chỉ có chứng cứ thành văn thô sơ nhất nói đến sự phân biệt chính thức nào đó của Trung Quốc về các đảo san hô. Quả thực, sẽ là không công bằng nếu nói khác đi rằng việc này đã được ghi kỹ lưỡng vào biên niên sử của những chuyến đi biển xa của nhóm tu sĩ Fa Hsien (44 sau C.N.) và I Ching (689-695 sau C.N.) đã gián tiếp ghi nhận, để cập duy nhất một cách cụ thể đến các đảo ở Biển Đông" (Tài liệu đã dẫn, trg. 10-11). Nhìn một cách tổng quan, với thái độ tôn trọng các phát hiện khảo cổ học ở quần đảo Hoàng Sa, *Hsi-sha-wen-win* (Những di tích văn hóa quần đảo Hoàng Sa, 1974; có thể xem ở Viện bảo tàng tỉnh Quảng Đông).

BẢNG 1. QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA

Vị trí	Trung Quốc	Tên địa danh	Viet Nam	Philippines	Mô tả
Alice-Anne Reef	0°25' B	115°26' D	Xian o Jiao	Arellano	Cao 1,2 m
Amboyna Cay	7°01' B	112°55' D	An Po Na Sha	Kalantitaw	Cao 2 m
Commodore Reef	8°21' B	115°17' D	Zhou	Rizal	Cao 0,3 m
Fish Island	10°40' B	115°49' D	Siling Jiao	Pang	Dài 240 m, có 90 m bị xói mòn
Gaven Reef	10°13' B	114°12' D	Fet Xin Dao		Cao 2 m; có cát trắng
Irving Reef	9°53' B	114°35' D			
Ilu Abe	10°53' B	114°56' D	Nan Xun Jiao	Balagtas	Dài 960 m, trong đó 400 m có cây
Lankham Cay	10°23' B	114°21' D	Tui Ping Dao	Ligaw	
Lansdowne Reef	10°44' B	114°22' D	Ba Bình	Panata	
Louisa Cay	10°44' B	114°21' D		Panta	Còn cát trắng
Lutuia Island	10°41' B	114°25' D	Nan Yao Dao	Kota	Cao 2 m và có cây
London Reef	8°53' B	112°15' D	Yin Qing Quan	Quezon	Cao 0,6 m
Marwelles Reef	7°59' B	113°50' D	(jiao)		Cao 1,5 m
Namnyit Island	10°11' B	114°22' D	Nan Hao Jiao	Binago	Cao 10 m và có cây
Nanshan Island	10°45' B	115°49' D	Hung Ma Dao	Lawak	Cao 2,5 m, dài 580 m, thảm thực vật cỏ
Northeast Cay	11°28' B	112°21' D	Ma Huan Dao	Parola	Cao 2,5 m, dài 685 m trong đó 90 m có cây
Pearson Reef NE	8°58' B	113°49' D	Bei Zi Jiao	Hizon	Cao 3 m, dài 685 m trong đó 90 m có cây
Peterson Reef SW	8°55' B	113°55' D	Pi Sheng Dao	Hizon	Cao 2 m
Sin Cow Island	8°52' B	114°19' D	Pi Sheng Dao	Purok	Cao 1 m
Southwest Cay	11°26' B	114°20' D	Jing Hong Dao	Pugad	Cao 2,5 m
Spirally Island	8°38' B	114°25' D	Nan Zi Dao	Lagos	Có cây
Thitu Island	11°03' B	114°17' D	Nan Wei Dao	Pagsasa	Cao 2,5 m, có thảm thực vật bao phủ
West York Island	11°05' B	115°01' D	Zhong Ye Dao	Likas	Có thảm thực vật và cây bụi
Cay (tản Thị Tứ)	10°23' B	114°28' D	Xi Yue Dao		Dài 500 m trong đó 320 có cây
Cay (tản Thị Tứ)	11°03' B	114°15' D			Cao 3 m và có cây

Nguồn: J. R. V. Prescott, *Quyền tài phân tranh biển ở Đông Nam Á: Bình luận và Bản đồ*. Báo cáo số 2 của Viện

Nghiên cứu Môi trường và Chính sách (Trung tâm Đông - Tây, 1981).

BẢNG 2. CÁC ĐẢO DÁ TRONG QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA

Vị trí	Tên địa danh			Mô tả
	Trung Quốc	Philippines		
Barque Canada RF	8°04' B	113°14' Đ	Mascado	Cao 4,5 m
Fiery Cross RF	9°40' B	113°00' Đ	Yong Shu Jiao	Kagilingan
Great Discovery RF	9°59' B	113°51' Đ	Da Xien Dao	Paredes
London (East) RF	8°52' B	112°46' Đ	Yin Qing	Silangan
			Quan Jian	Cao 1 m
Louisa RF	6°20' B	113°14' Đ	Nan Teng Jiao	Cao 1 m
Royal Charlotte RF	7°00' B	113°35' Đ	Huang Lu Jiao	Cao 0,5-1,2 m
Swallow RF	7°23' B	113°59' Đ	Dan Wan Jiao	Cao 1,5-3 m

Nguồn: J. R. V. Prescott, *Quyền tài phán trên biển ở Đông Nam Á: Bình luận và Bản đồ*. Báo cáo số 2 của Viện Nghiên cứu Môi trường và Chính sách (Honolulu : Trung tâm Đông - Tây, 1981).

Việc mô tả gián tiếp lần đầu tiên được biết đến về các đảo san hô ở Biển Đông xuất hiện vào năm 1178³². Công việc này được Chau Ju-kua làm tiếp tục vào giữa những năm 1225 và 1242 trong tài liệu *Chu Fan Chin* (ghi nhận của những người nước ngoài), trong đó việc mô tả cụ thể các tuyến đường đi qua Biển Đông được thể hiện rất chi tiết. Trong đó cũng mô tả những bãi cát dài nằm trong các quần đảo dã được phát hiện ở Biển Đông. Căn cứ vào những tọa độ do Chau Ju-kua cung cấp, những bãi cát được mô tả đó ám chỉ đến quần đảo Hoàng Sa và bãi ngầm Macclesfield³³.

Tuy đã sớm có những mô tả về quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, nhưng đường như cho đến tận cuối thế kỷ 19 Trung

³² Sammuels (chú giải số 8 ở trên), trg. 15, trích Clou Chu-fai, *Ling-wai tai-ta* (thông tin về cùi tồn tại từ cổ xưa, 1178).

³³ Sammuels (chú giải số 8 ở trên), trg. 15.

Quốc vẫn không chính thức khẳng định chủ quyền đối với các quần đảo đó trong Biển Đông³⁴. Vấn đề chủ quyền của Trung Quốc đối với các quần đảo ở Biển Đông lần đầu tiên xuất hiện vào 25 năm cuối của thế kỷ này là nhằm phản ứng lại việc mở rộng khu vực ảnh hưởng của Pháp, Anh và Nhật. Vào năm 1876, đại sứ đầu tiên của Trung Quốc tới Anh có nhiệm vụ thông báo về đòi hỏi đối với quần đảo Hoàng Sa như là lãnh

³⁴ "Khái niệm 'chủ quyền' là một nguyên tắc được quốc tế thừa nhận để định rõ bức tường thẩm quyền 'pháp lý' bao quanh không gian chính trị, nó hoàn toàn không tương đồng với pháp lý Đông Á và lịch sử chính trị. Việc kiểm soát lãnh thổ bằng cách vạch đường biên giới và phạm vi quyền lý hành chính là một công cụ cổ xưa của chế độ quan liêu theo thuyết Khổng Tử ở Trung Quốc và trong quan hệ giữa Trung Quốc với các nước khác, nhưng khái niệm trừu tượng về lãnh thổ quốc gia ... không là một phần trên bản đồ nhận thức của các học giả theo thuyết Khổng Tử truyền thống. Phạm vi một quốc gia (kuo) và những vùng khác nhau của nó không có một hình thức giới hạn pháp lý nào ngoại trừ tổ chức xã hội, lịch sử và lòng trung thành của thần dân. Hệ thống luật lệ theo thuyết Khổng Tử đòi hỏi đức tính trung thành với vua, với đại diện của vua, và phần lớn liên quan tới hệ thống phân cấp trong quan hệ giữa các thành viên của gia đình ... và điển hình là việc hình thành hệ thống hành chính quan liêu kiêm phong kiến ... Không có sự tương đồng trong truyền thống của người Trung Quốc như học thuyết của phương Tây về 'biển công' giữa thế kỷ 19 là không phải *res nullius* (vô chủ). Không có khái niệm truyền thống tương đồng với học thuyết phương Tây về giới hạn quyền tài phán của quốc gia ven biển. Dù sao, với sự trỗi dậy của hệ thống cảng thiết lập theo hiệp ước sau năm 1842, các hiệp ước này và những luật lệ, qui định hàng hải rồi cũng trở thành một bộ phận của xã hội Trung Quốc ... Cuối cùng, trong năm 1931, chính sách về quốc gia ven biển có quyền độc lập tương đối đã nổi lên với một lời tuyên bố chính thức 'lãnh hải' giới hạn trong 3 hải lý và một đáp ứng cho những mục đích đặc biệt, vùng biển chống buôn lậu cũ giới hạn tối 12 hải lý ... Trong quá trình này, một trong những cố gắng sớm nhất do Trung Quốc thực hiện là khống định danh nghĩa pháp lý đối với không gian biển dưới tên biển Nam Trung Hoa" (Tài liệu đã dẫn, trg. 51-52).

thổ của Trung quốc. Năm 1883, xuất hiện yêu sách ám chỉ đến quần đảo Trường Sa khi Chính phủ nhà Thanh (Ch'ing) đưa lời phản đối chính thức về một cuộc thám hiểm dưới sự bảo trợ của Đức tới quần đảo này. Trong cả hai sự kiện, Trung Quốc đã không khẳng định một yêu sách chủ quyền rõ ràng nào đối với các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa³⁵.

Năm 1884, Việt Nam trở thành một nước thuộc địa của Pháp. Ngày 26/6/1887, Trung Quốc và Pháp đã ký một công ước về hoạch định biên giới giữa Trung Quốc và Bắc Kỳ (Việt Nam). Điều 3 của công ước này cho thấy biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc là một đường Bắc Nam tại kinh tuyến 105°43' Bắc. Như thể hiện trong công ước, các quan chức của Trung Quốc cũng như những nhà quan sát viên độc lập đã nhiều lần khẳng định rằng quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nằm ở phía Đông của đường phân định này biên giới đặc biệt này là lãnh thổ của Trung Quốc³⁶.

Trong năm 1907, một thương gia Nhật Bản đã tìm cách điều tra tài nguyên có thể có trên đảo Pratas, nhưng đã bị Trung Quốc trục xuất. Từ sự việc này, Trung Quốc đã phải ba tàu chiến di tuần tra quần đảo Hoàng Sa. Họ chỉ thấy những dân cư là người Trung Quốc. Trong lần kiểm tra này, Trung Quốc đã đặt một cột mốc lãnh thổ trên đảo Duy Mộng để đánh dấu yêu sách của Trung Quốc. Khoảng giữa những năm 1921 và 1932, ít nhất cũng năm lần chính quyền tỉnh Quảng Đông đã phê duyệt những đơn xin phép của những công dân Trung

³⁵ Tài liệu đã dẫn, trg. 52.

³⁶ Chiu và Park (chú giải số 27 ở trên), trg. 1. Trích Ling Ch'un-shen, "Quan hệ tay ba giữa Trung Quốc", *Fan-chin yueh-k'an* (Nguyệt san Địa lý, Nam Kinh) 4, số 2 (1/4/1934).

Quốc muốn ra thăm dò và khai thác phân chim và các tài nguyên khác đã được phát hiện ở quần đảo Hoàng Sa³⁷.

Trong những năm 1930, khi Pháp khẳng định lại yêu sách của họ về các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, chính phủ Trung Quốc đã thông báo cho chính phủ Pháp rằng họ sẽ bảo lưu tất cả các quyền của họ đối với việc xâm chiếm của Pháp. Sau đó, Trung Quốc đã chính thức phản đối hành động của Pháp trên cơ sở dân Trung Quốc đã định cư trên các quần đảo này. Ngày 23/9/1933, phái Pháp đã đáp lại và trong công hàm gửi tới tòa công sứ Trung Quốc ở Paris, họ khẳng định rằng quần đảo Hoàng Sa nằm ở phía Đông cách đường phân định 200 hải lý và nằm ngoài phạm vi giải quyết của công ước Trung Quốc - Pháp năm 1887.Thêm vào đó, họ lập luận rằng con đường này chỉ mang tính địa phương ở phía Bắc Việt Nam thuộc khu vực Móng Cái. Theo phái Pháp, bất cứ lời giải thích nào khác đi sẽ dẫn đến kết quả là phần lớn các đảo của Việt Nam sẽ bị rơi vào lãnh thổ Trung Quốc³⁸.

³⁷ Chiu và Park (chú giải số 27 ở trên), trg. 11-12.

³⁸ Tài liệu đã dẫn, trg. 13: "Thêm vào đó, mãi tới năm 1909 (thực ra là 1907), đã được tuyên bố rằng Trung Quốc có ngụ ý sát nhập các đảo nhỏ khi tiêu hạm đội hải quân của đô đốc Lý Chuẩn được đưa tới quần đảo Hoàng Sa để nghiên cứu, trong khi đó Việt Nam đã đòi quyền sử dụng chúng sớm hơn trong năm 1816. Với sự tôn trọng hoạt động của đoàn đại biểu Pháp ở Hội nghị Khi tượng Viễn Đông năm 1930, Pháp đã nói ngắn gọn rằng đây là hội nghị khoa học và không giải quyết những câu hỏi chính trị. Hội nghị đã không hưởng ứng lập luận trong công hàm ngoại giao của Trung quốc ngày 29/9/1932. Sau đó, vào ngày 20/3/1934, Trung Quốc đã gửi một công hàm khác cho Pháp thông qua tòa công sứ của họ ở Paris với nỗ lực bức bối lập luận do Pháp đưa ra. Pháp đã không trả lời công hàm này. Không có gì xảy ra thêm nữa cho đến tận tháng 7/1937 khi Pháp đã biết được Trung Quốc chiếm trước quần đảo Hoàng Sa để chống lại Nhật chiếm quần

Sau khi Nhật đầu hàng năm 1945, Cộng hoà Trung Hoa (CH Trung Hoa) đã điều một phân đội hải quân đến kiểm soát quần đảo này. Một cuộc khảo sát khác về các đảo nhỏ đã được tiến hành và các đơn vị dân trú đã được thiết lập ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Trong tháng 5/1950, các lực lượng quân đội của Trung Hoa dân quốc đã rút khỏi các quần đảo này và chuyển về Đài Loan. Ngày 15/8/1951, Cộng hoà nhân dân Trung Hoa (CHND Trung Hoa), thông qua Bộ trưởng Ngoại giao Chu Ân Lai, đã đưa ra lời tuyên bố rằng chủ quyền bất khả xâm phạm của các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa sẽ không bị ảnh hưởng về bất cứ phương diện nào bởi những điều khoản của hiệp ước hòa bình Nhật Bản³⁹.

Vào ngày 4/9/1958, CHND Trung Hoa đưa ra một tuyên bố mở rộng ranh giới lãnh hải ra tới 12 hải lý theo phong pháp đường cơ sở thẳng, và tuyên bố rằng tuyên bố này sẽ được áp dụng cho tất cả các đảo thuộc chủ quyền của Trung Quốc⁴⁰. Trong những năm 1950 và 1960, CHND Trung Hoa đưa ra một loạt lời cảnh cáo Mỹ về việc vi phạm vịnh cảng vùng trời trên quần đảo Hoàng Sa⁴¹.

Yêu sách của Trung Quốc đối với quần đảo Trường Sa hoàn toàn giống với yêu sách của họ đối với quần đảo Hoàng

đảo này". Xem các chú giải số 48-57 ở phần sau và văn bản đi kèm cho thảo luận chi tiết hơn các hoạt động của Pháp.

³⁹ Tài liệu đã dẫn, tr. 14, trích *Tuyển tập những tư liệu liên quan đến những quan hệ ngoại giao của Cộng hoà nhân dân Trung Hoa* (1951-53), tr. 2.

⁴⁰ Chiu và Park (chú giải số 27 ở trên), tr. 14.

⁴¹ Tài liệu đã dẫn, tr. 15-16.

Sa. Trung Quốc lập luận rằng yêu sách chủ quyền của họ đã được thiết lập trên hai quần đảo này từ thời xa xưa⁴².

Yêu sách của Đài Loan

Yêu sách của Đài Loan về quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được khẳng định trên cơ sở lịch sử giống như CHND Trung Hoa đã khẳng định. Đài Loan còn đưa ra thêm một yêu sách nữa là quyền chiếm hữu được thực hiện theo luật pháp quốc tế trên cơ sở những sự kiện xảy ra trong những ngày đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai⁴³.

Chính phủ Trung Hoa Dân quốc đã phái những đơn vị quân đội ra chiếm đóng cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đúng 15 tháng sau khi quân Nhật đầu hàng. Vào năm 1950, những đơn vị hải quân này đã rút đi cùng với sự rút lui của những người dân tộc chủ nghĩa từ lục địa Trung Quốc ra Đài Loan. Sau đó, Đài Loan và Nhật Bản đã ký hiệp ước hòa bình song phương vào năm 1952. Một trong những điều khoản của hiệp ước hòa bình này, tương tự như những điều đã ghi trong hiệp ước của Liên hợp quốc là Nhật từ bỏ bất cứ một yêu sách, quyền hoặc danh nghĩa nào đối với quần đảo Hoàng Sa hay Trường Sa. Hiện nay Đài Loan khẳng định rằng họ có chủ quyền đối với tất cả các quần đảo ở Biển Đông phù hợp với quyền chiếm hữu nêu trong luật pháp quốc tế trên cơ sở sự hiện

⁴² La Grange (chú giải số 5 ở trên), tr. 33.

⁴³ Tài liệu đã dẫn, tr. 24, trích Lee Lai-to, "Cộng hoà nhân dân Trung Hoa và Biển Đông", *Current Scene* 15, số 2 (2/1977); 6.

diện của họ trong giai đoạn những năm 1946 - 1950 trên tất cả các quần đảo và sự chiếm giữ hiện nay của họ ở đảo Ba Bình⁴⁴.

Những hoạt động và yêu sách của Anh và Pháp, 1843-1939

Việc “phát hiện” đầu tiên của người phương Tây liên quan tới quần đảo Trường Sa có lẽ do tàu săn cá voi *Cyrus* của Anh trong năm 1843⁴⁵, nhưng sự phát hiện này không dẫn tới bất kỳ một đòi hỏi nào đối với quần đảo này. Trong năm 1864, chiếc tàu *HMS Riffleman* dưới sự chỉ huy của thuyền trưởng Ward đã tới thăm quần đảo Trường Sa nhưng không cấm cờ Anh quốc hoặc làm một việc nào khác để quy thuộc quần đảo này vào đế quốc Anh⁴⁶. Tháng 9/1877, hai nhân vật người Anh là Simpson và Jame cùng với một người Mỹ có tên là Graham đã hành trình tới Labuan, thuộc địa của Anh, để xin phép cấm cờ của Anh trên đảo Trường Sa và đảo An Bang⁴⁷.

⁴⁴ La Grange (chú giải số 5 ở trên), trg. 33-34; xem chú giải số 17 ở trên và văn bản kèm theo.

⁴⁵ Marston (chú giải số 9 ở trên), trg. 350.

⁴⁶ Tài liệu đã dẫn, trg. 348.

⁴⁷ Tài liệu đã dẫn, trg. 334. Sau khi xem xét đòi hỏi, Văn phòng Thuộc địa đã khẳng định rằng các đảo này không nằm trong lãnh thổ có thể được thừa nhận của thuộc địa Labuan. Do đó, đã gợi ý rằng yêu sách sẽ được ghi nhận một cách thích hợp với Tổng lãnh sự Anh ở Borneo. Yêu sách đã được ghi nhận đúng như Văn phòng Thuộc địa gợi ý. Sau đó, Tổng lãnh sự ở Borneo đã công bố một thông báo về yêu sách trên các báo của chính phủ ở Hồng Kông và ...

Trong những năm 1880, Công ty Quốc gia Borneo - một công ty có khả năng khai thác phân chim khác, đã quyết định bắt đầu khai thác phân chim trên đảo Trường Sa và An Bang. Sau đó, sự đầu tư này đã được giải thích rằng những người được cấp giấy phép trước đã từ bỏ

Vào năm 1927, Pháp đã khẩn trương tiến hành việc khảo sát khoa học để tìm mỏ phốt phat ở quần đảo Trường Sa⁴⁸. Trong năm 1930, Pháp đã tổ chức một chuyến đi khéo và đã cấm cờ Pháp trên một hòn đảo của quần đảo này⁴⁹. Pháp đòi quyền sở hữu toàn bộ quần đảo Trường Sa nằm trong một hình bốn cạnh tạo bởi các kinh tuyến 111° và 117° Đông và các vĩ tuyến 7° và 12° Bắc⁵⁰.

Ngay sau đó, Anh đã thông báo cho Pháp biết yêu sách của họ đối với quần đảo Trường Sa⁵¹. Tuy nhiên, Pháp vẫn giữ lập trường của họ và vào ngày 13/4/1930 tiếp tục khẳng định rằng quyền sở hữu của họ đối với đảo Trường Sa đã tạo cho

đòi hỏi của họ và rằng hai đảo này không có người định cư hay chiếm đóng. Nó đã được Văn phòng Thuộc địa và Cơ quan Ngoại giao nhưng lại hợp đồng khai thác phân chim trong năm 1889. Tuy nhiên, không có gì hơn được ghi lại trong hồ sơ của Cơ quan Ngoại giao Anh về việc liệu những người được cấp giấy phép đặc biệt này có tiến hành hoạt động ở một trong hai đảo này hay không.

⁴⁸ Chiu và Park (chú giải số 27 ở trên), trg. 8.

⁴⁹ Tài liệu đã dẫn, trg. 24, chú giải số 30: “Theo tư liệu của Trung Quốc, lá cờ Pháp đã được gắn trên đảo Storm (Trường Sa hay Nam Uy theo tên Trung Quốc), nhưng sau khi Pháp rời đảo, những người đánh cá Trung Quốc từ đảo Hải Nam đã thay cờ Pháp bằng cờ Trung Quốc”.

⁵⁰ Marston (chú giải số 9 ở trên), trg. 344.

⁵¹ Ngày 21/5/1930, Đại sứ Anh ở Paris đã gửi một văn bản cho Bộ trưởng Ngoại giao của Pháp. Văn bản có đoạn tuyên bố rằng “yêu sách đã được ghi nhận trong năm 1887, theo đó giấy phép do Vương quốc Anh cấp chính thức đã khẳng định vẫn đc này, các đảo thuộc đc cấp đến vẫn là lãnh thổ Anh trừ khi Vương quốc Anh khẳng định việc từ bỏ chúng ... Không có việc từ bỏ như vậy xảy ra và do đó Đại sứ của Nữ hoàng đã trực tiếp đề nghị Bộ Ngoại giao vui lòng thông báo cho Cơ quan đại diện ở Đông Dương sự thật rằng quần đảo Trường Sa là lãnh thổ Anh”. (Tài liệu đã dẫn, trg. 345).

Pháp có danh nghĩa thích hợp để có quyền sở hữu đối với đảo này⁵². Việc đương cao cờ Pháp trên đảo Trường Sa cũng như việc sáp nhập đảo này vào một tỉnh thuộc quyền quản lý hành chính của xứ Đông Dương đã tạo ra một yêu sách vững chắc về chủ quyền đối với tất cả các đảo, đảo đá nhỏ và các bãi năm trong khu vực giữa vĩ tuyến 7° và 12° Bắc ở phía Tây của vùng theo hiệp ước Philippine⁵³.

Vào ngày 12/7/1933, Bộ Ngoại giao của Anh thông báo rằng họ đã ra lệnh cho ban hành ngay yêu sách của Anh đối với hoặc đảo Trường Sa hoặc đảo An Bang⁵⁴. Chính phủ Pháp dù căn cứ kết luận rằng họ đã dành quyền sở hữu quần đảo Trường Sa trước cả khi Anh quyết định không phản đối các yêu

⁵² Tài liệu đã dẫn. Pháp đã xem xét việc đăng ký tên trong năm 1877 vì chưa có gì hơn ngoài hành vi mang tính cách cá nhân và lập luận rằng không có bằng chứng về bất cứ những người khai thác phần chim nào đã cầm cờ Anh trên đảo Trường Sa hay An Bang hay thay mặt Vương quốc Anh sở hữu một trong hai đảo này. Pháp đã nhấn mạnh rằng đảo Trường Sa không thuộc quyền quản lý hành chính của Vương quyền Anh, ngoại trừ những vấn đề cụ thể đã được Tổng lãnh sự Anh ở Borneo giải quyết.

⁵³ Đối với khu vực của Philippine nằm trong hiệp ước, xem điều 3 của hiệp ước hòa bình giữa Mỹ và Tây Ban Nha (ngày 10/12/1898), *Statutes at Large* 30 (1898): 1754. Thêm vào đó, yêu sách của Pháp đối với đảo Trường Sa và các đảo nhỏ nằm kế cận nó, bao gồm bãi Dinh Ba, đảo Thị Tứ, đảo Loại Ta, cụm Nam Yết, đá Lớn (Nhô), bãi đá Chữ thập, cụm Trường Sa, đảo An Bang, bãi Vũng Mây, bãi Kiệu Ngựa và đá Hoa Lau (Marston [chú giải số 9 ở trên], tr. 346).

⁵⁴ Marston (chú giải số 9 ở trên), tr. 351. Văn phòng Ngoại giao đã kết luận rằng nước Anh không có một hành động sử dụng nào tiêu thực tế ở một trong hai đảo nhỏ này. Được biết rằng Anh đã yêu cầu được quyền sử dụng một số đảo san hô, đảo đá và vũng ở phía Đông đảo Trường Sa để có thể làm các căn cứ cho thuỷ phi cơ khi có chiến tranh xảy ra.

sách của Pháp. Thông báo về yêu sách của Pháp đã được nêu trong Sắc lệnh số 4762, ngày 21/7/1933. Theo các điều khoản của sắc lệnh này, quần đảo Trường Sa đang bị tranh chấp đã được sáp nhập vào tỉnh Bà Rịa⁵⁵. Để đảm bảo tính pháp lý của sắc lệnh này, Bộ Ngoại giao Pháp cũng đã cho đăng một thông báo trong *Journal Officiel* (Công báo) của Pháp ngày 23/7/1933⁵⁶. Từ ngày 24/7 đến ngày 25/9/1933, Pháp đã hoàn

⁵⁵ Chiu và Park (chú giải số 27 ở trên), tr. 8-9. Xem, tổng quát, *Sách trắng về các quần đảo Hoàng Sa (Paracel) và Trường Sa (Spratly)* (Sài Gòn: Cộng hoà Việt nam, Bộ Ngoại Giao, 1975), tr. 70-75 (có thể xem ở thư viện Hamilton, Đại học Tổng hợp Hawaii, Manoa Campus). Vào năm 1933, ba tàu *Alerte*, *Astrolabe* và *Delanessan* đã đưa ra quần đảo Trường Sa. Khi đến quần đảo, Pháp đã phát hiện ra sự có mặt của những người đánh cá Trung Quốc và đã không lấy tghiết bị khai thác quý trọng của Nhật dùng để chiết phốt pho - phân chim. Sau khi kết thúc chuyến đi, Chính phủ Pháp đã đặt sáu đảo trong quần đảo Trường Sa dưới sự kiểm soát của Pháp.

⁵⁶ *Sách trắng* (chú giải số 55 ở trên), tr. 71-73, trích *Journal Officiel* (ngày 26/7/1933): 7837: "Chính phủ Pháp đã tiến hành các biện pháp để các đảo nhỏ và rất nhỏ được đề cập dưới đây thuộc sự kiểm soát của các đơn vị hải quân Pháp: 1. Đảo Trường Sa ở vị trí 8°39' vĩ tuyến Bắc và 111°55' kinh độ Đông Greenwich, cùng các đảo trực thuộc nó (chiếm ngày 13/4/1930). 2. Đảo An Bang ở vị trí 7°52' vĩ tuyến Bắc và 112°55' kinh độ Đông Greenwich, cùng các đảo trực thuộc nó (chiếm ngày 7/4/1933). 3. Đảo Ba Bình ở vị trí vĩ tuyến 10°22' Bắc và kinh độ 114°21' Đông Greenwich cùng các đảo trực thuộc nó (chiếm ngày 10/4/1933). 4. Cụm hai nhóm đảo ở vị trí vĩ tuyến 11°29' Bắc và kinh độ 114°21' Đông Greenwich cùng các đảo trực thuộc nó (36) (chiếm ngày 10/4/1933). 5. Đảo Loại Ta ở vị trí vĩ tuyến 10°42' Bắc và kinh độ 114°25' Đông Greenwich, cùng các đảo trực thuộc nó (chiếm ngày 12/4/1933). 6. Đảo Thị Tứ ở vĩ tuyến 11°7' Bắc và 114°16' Đông Greenwich cùng các đảo trực thuộc nó (chiếm ngày 12/4/1933). Những đảo nói trên và các đảo nhỏ từ nay thuộc chì

thành tiền trình thông báo cho tất cả các quốc gia có thể có quyền lợi ở quần đảo Trường Sa về yêu sách của họ⁵⁷.

Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật đã mở rộng sự kiểm soát của họ đến Biển Đông và vào ngày 30/3/1939 ra thông báo rằng Nhật đã thế vào chỗ quần đảo Trường Sa cũng như các quần đảo khác mà Pháp đòi hỏi là đặt dưới quyền quản lý hành chính của chính phủ Formosa⁵⁸. Sau cuộc chiến tranh này, như đã nêu ở trên⁵⁹, CH Trung Hoa đã ra chiếm quần đảo bị Nhật bỏ lại này.

Yêu sách của Việt Nam

Yêu sách của Việt Nam đối với các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được tuyên bố như sau:

Từ lâu, quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là lãnh thổ Việt Nam. Qua các triều đại, Nhà nước phong kiến Việt Nam trước kia là người đầu tiên trong lịch sử đã chiếm hữu, thực hiện chủ quyền, khai thác với tư cách Nhà nước hai

quyền của Pháp (thông báo này hủy bỏ thông báo trước đây nêu trong Official Journal ngày 25/7/1933, tr. 7784).

⁵⁷ Tài liệu đã dẫn, tr. 73-74. Mỹ, Trung Quốc và Hà Lan đã không phản đối sự chiếm đóng của Pháp. Nhật đã phản đối hành động của Pháp xâm chiếm lãnh thổ mà công dân Nhật đã khai thác quặng phốt pho trên một số đảo ở quần đảo Trường Sa. Nhật đã hoạt động ở quần đảo Trường Sa mà không cần biết hay tấn thành của Pháp hay bất cứ nước khác và họ có thể mở rộng yêu sách của họ tới quần đảo này.

⁵⁸ Marston (chú giải số 9 ở trên), tr. 354, trích *Những cuộc tranh luận tại Nghị viện Hansard, Commons*, xuất bản lần thứ 5, tập 345 cột 2988.

⁵⁹ Xem nội dung chú giải 44 ở trên.

quần đảo này trước đó chưa hề nằm trong địa lý hành chính của một nước nào. Việc chiếm hữu này là thật sự, phù hợp luật pháp và tập quán quốc tế. Các chính quyền kế tiếp theo đã tổ chức các quần đảo đó thành những đơn vị hành chính thuộc các tỉnh lỵ địa của Việt nam.

Chủ quyền của Việt nam đối với các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là không thể tranh cãi được. Nhân dân Việt Nam có đầy đủ cơ sở pháp lý, căn cứ lịch sử và thực tế để chứng minh chủ quyền của mình. Nhiều nhà hàng hải, địa lý, giáo sĩ của phương Tây đã xác nhận sự thật đó từ những thế kỷ trước⁶⁰.

Trong năm 1956, đứng trước những thách thức của Trung Quốc và Philippine, CH Việt Nam (Nam Việt Nam) bước đầu có những nỗ lực bảo vệ các yêu sách của họ đối với quần đảo Trường Sa. Tháng 8/1956, Nam Việt Nam đã đưa tàu chiến Tuy Đông (HQ-04) ra quần đảo Trường Sa nhằm mục đích

⁶⁰ La Grange (chú giải số 5 ở trên), tr. 24-25, trích *Chủ quyền của Việt nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa Và Trường Sa*, Tư liệu Liên hợp quốc A/34/541/S/13565 (ngày 19/10/1979), tr. 7. Phiên bản khác những yêu sách của Việt Nam như sau: "Trong quá trình lịch sử, nhân dân Việt Nam có mối quan hệ giàn đoạn với (quần đảo Trường Sa) ... Không giống như trường hợp quần đảo Hoàng Sa (Paracel), những triều đại phong kiến trước đây của Việt Nam đã không có thời gian tăng cường mối liên hệ thông qua tổ chức luật pháp hành chính. Dù thế nào đi nữa, Pháp, nước đã chiếm đóng miền Nam Việt Nam, dưới tên gọi là xứ Nam Kỳ, đã dùng tất cả những biện pháp cần thiết để thiết lập cơ sở pháp lý nhằm sáp nhập quần đảo Trường Sa. Vào năm 1933, quần đảo Trường Sa đã được sát nhập vào thuộc địa Nam Kỳ của Pháp và từ năm đó trở đi đã có một cơ cấu hành chính thích đáng" (La Grange [chú giải số 5 ở trên], tr. 25, trích từ *Sách trắng* [chú giải số 55 ở trên], tr. 67).

chính là dựng các bia chủ quyền trên hầu hết các đảo của quần đảo này và xây các bệ cột cờ để cắm cờ Việt Nam⁶¹.

Vào ngày 8/9/1951, Nhật Bản đã từ bỏ mọi yêu sách đối với quần đảo Trường Sa qua việc ký hiệp ước hoà bình của Liên hợp quốc ở San Francisco⁶². Sau đó, Pháp tiếp tục khẳng định yêu sách của họ trên quần đảo Trường Sa cho khi họ rút khỏi Việt Nam năm 1956. Vào cuối tháng 5/1956, một quan chức Philippine, Tomas Clema, đã đưa ra yêu sách đối với quần đảo Trường Sa và tuyên bố nó là "Đất tự do" (Freedomland). Được biết, đại sứ Pháp ở Malina đã lưu ý Chính phủ Philippine về yêu sách và quyền của Pháp đối với quần đảo Trường Sa trên cơ sở Pháp đã chiếm giữ quần đảo này từ năm 1933⁶³.

Vào khoảng thời gian này, mặc dù Pháp đã rút khỏi Việt Nam nhưng vẫn đưa tàu hải quân *Diamond d'Uruville* của họ ra đảo Ba Bình (Ilu Abc) để tỏ rõ sự quan tâm của Pháp-Việt đối với quần đảo này. Ngày 1/6/1956, Bộ trưởng Ngoại giao CII

⁶¹ *Sách trắng* (chú giải số 55 ở trên), tr. 67.

⁶² Hiệp ước hoà bình với Nhật (ngày 8/9/1951), chương 2, điều 2(1). *Tuyển tập hiệp ước của Liên hợp quốc*, (UST) 3; 3172, *Tuyển tập các hiệp ước và văn bản quốc tế khác* 2490, có hiệu lực ngày 28/4/1952.

⁶³ C. Rousseau, *Revue Général de Droit international Public* (tháng 7/1972): 830. Yêu sách của Anh cũng được một số người xã hội cảnh tâp nêu lại giống trường hợp năm 1956, nhưng được đánh giá là yếu. Khi trả lời việc thẩm tra, Bộ Ngoại giao Anh đã gửi bức điện sau đây vào ngày 12/6/1956: "Yêu sách của chúng tôi về quần đảo Trường Sa không bao giờ bị từ bỏ nhưng cũng chưa bao giờ bị coi là quá yếu cho dù là có thiếu sót trong việc thực thi chủ quyền một cách có hiệu quả, ngay cả để giành chiến thắng trước toà án quốc tế" (Marston [chú giải số 9 ở trên], tr. 356).

Việt Nam đã ra tuyên bố khẳng định lại mối quan tâm và các quyền của họ⁶⁴.

Năm 1961, Nam Việt Nam đã đưa hai tàu tuần tiễu *Vạn Kiếp* và *Vân Đồn* tới các đảo Song Tử Tây, Thị Tứ, Loại Ta và An Bang. Năm 1962, các tàu tuần tiễu *Tuy Đông* và *Tây Kết* đã đến các đảo Trường Sa và Nam Yết. Năm 1963, các thủy thủ của các tàu *Hương Giang*, *Chi Lăng* và *Kỳ Hòa* đã xây dựng lại những cột mốc chủ quyền trên các đảo chính của quần đảo Trường Sa⁶⁵. Sau năm 1963, vì đang xảy ra chiến tranh ở Việt Nam nên số lượng những cuộc tuần tiễu ra quần đảo Trường Sa đã giảm bớt⁶⁶.

Việt Nam khẳng định quyền của họ đối với quần đảo Hoàng Sa đã có từ năm 1802 trong thời kỳ nhà Nguyễn và những triều đại kế tiếp thông qua "các biện pháp mang tính hệ thống được thực hiện trong lĩnh vực quản lý hành chính, quân

⁶⁴ *Sách trắng* (chú giải số 55 ở trên), tr. 81. Ngày 15/6/1956, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Vũ Văn Mẫu đã khẳng định lại quyền và sự quan tâm của dân tộc mình ở quần đảo Trường Sa. Ông tuyên bố, trong số những vấn đề khác mà trong quá trình đàm phán về hiệp ước hoà bình với Nhật năm 1951, với tư cách là người phát ngôn chính cho đoàn đại biểu Việt Nam, đã trình trọng khẳng định lại chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Trường Sa (Spratly). Trong diễn biến của hội nghị về hiệp ước hoà bình này, sự khẳng định của Việt Nam không bị các quốc gia tham dự hội nghị phản đối, kể cả Trung Quốc và Philippine.

⁶⁵ Tài liệu đã dẫn, tr. 80-81. Mốc giới được đặt vào ngày 19/5/1963 trên đảo Trường Sa; vào ngày 20/5/1963 ở An Bang; vào ngày 22/5/1963 ở đảo Thị Tứ và Loại Ta; vào ngày 24/5/1963 trên Song Tử Đông và Song Tử Tây.

⁶⁶ Tài liệu đã dẫn.

sự, giao thông và khai thác kinh tế⁶⁷. “Từ thời xa xưa, ngư dân Việt Nam đã thường xuyên lui tới [quần đảo Hoàng Sa] để bắt rùa, ốc biển và những hải sản khác. Trong thời gian gần đây, quần đảo Hoàng Sa đã được những người khai thác phớt phو quan tâm ... khai thác phân chim ... và đá san hô”⁶⁸.

Theo những quan chức của CH Việt Nam (Nam Việt Nam) trước đây, những người đã viễn dẫn *Dai Nam nhất thống chí* (Biên niên sử của Việt Nam) xuất bản vào thời đại vua Tự Đức (1847-1883), vua Gia Long (1802-1820) đã thành lập đội Hoàng Sa - một tổ chức đặc biệt bao gồm 70 ngư phủ giàu kinh nghiệm thuộc làng Vinh An - nhằm mục đích chính là khai thác quần đảo Hoàng Sa. Nỗ lực này của người Việt Nam liên quan đến việc phái những người trong tổ chức đó ra quần đảo Hoàng Sa hàng năm trong khoảng thời gian tới 6 tháng. Trong thời gian họ ở quần đảo Hoàng Sa, họ sẽ thu thập các sản vật biển để chờ về cảng Tư Hiên⁶⁹. Tuy thế, cho đến trước năm 1816, quần đảo Hoàng Sa vẫn chưa chính thức được sáp nhập vào lãnh thổ Việt Nam⁷⁰.

Trong năm 1835, vua Minh Mạng (1820-1841) đã xây dựng một ngôi chùa trên đảo đá Bàn Than Thạch cũng như dựng bia ghi nhận sự kiện này⁷¹. Năm 1837, Jean Louis Taberd

⁶⁷ Tài liệu đã dẫn, trg. 27.

⁶⁸ Chiu và Park (chú giải số 27 ở trên), trg. 6-7, trích dẫn *Tờ Sứ thật* (ngày 28/1/1974), một tạp chí do sứ quán Việt Nam phát hành ở bang Washington.

⁶⁹ Chiu và Park (chú giải số 27 ở trên), trg. 6-7.

⁷⁰ Tài liệu đã dẫn, trg. 7.

⁷¹ Tài liệu đã dẫn.

đáng kính đã viết một bài in trên *Journal of the Royal Asiatic Society of Bengal, India*, trong đó đã kể lại chi tiết những sự kiện nhà nước phong kiến Việt Nam kéo dài trên quần đảo này⁷². Năm 1838, Bộ pháp ở thành Huế trong thời vua Minh Mạng đã cho xuất bản bản đồ quần đảo Hoàng Sa đầu tiên trong tập *Bản đồ chi tiết về Địa Nam*, đặc biệt trong đó còn mô tả chi tiết gần 130 đảo nhỏ khác⁷³.

⁷² *Sách trắng* (chú giải số 55 ở trên), trg. 27 “Quần đảo Hoàng Sa ... là một cụm gồm nhiều đảo nhỏ, đá và bãi cát trải rộng tới tận vĩ tuyến 11° Bắc, kinh tuyến 107° Paris. Dì ngang qua những bãi ngầm này, chỉ là những người di biển có lòng dũng cảm theo định mệnh hơn là thận trọng, nhưng những người khác là một sự quá cảm. Những người ở Đông Dương gọi họ Con-vang. Mặc dù loại quần đảo này không cho thấy gì ngoài đảo đá và nước rất sâu, chả dung nhiều khó khăn hơn là thuận lợi, nhưng vua Gia Long đã nghĩ đến việc mở rộng thêm lãnh địa tại phần đất buồn bã này. Vào năm 1816, vua đã di cùng đội quân đánh dự định cầm cờ và chính thức ghi nhận chủ quyền tại những đảo đá này, nơi mà không chắc rằng một người nào đó sẽ tranh chấp với vua” (*Sách trắng* [chú giải số 55 ở trên], trg. 27, trích J. Taberd *Tạp chí Xã hội vua chúa châu Á ở Bengal, Ấn Độ* (tháng 4/1837): 737-745).

Vào năm 1834, vua đã phái viên cai đội Trương Phúc Sí cùng 20 xuất binh tới quần đảo Hoàng Sa để bắn đỗ khu vực này. Trong năm 1836, Bộ Công tâu với vua rằng trước kia đã phái vẽ bắn đỗ mà hình thể nó xa rộng, mới chỉ được một nơi, cũng chưa rõ ràng. Cuối cùng, vua được tâu rằng hàng năm nên phái người ra thăm hiểm toàn bộ quần đảo và để nhận biết lộ trình trong khu vực này. Được biết rằng nhiệm vụ được giao là vẽ bắn đỗ và mô tả tất cả các đảo lớn, đảo nhỏ, bãi cát để nhận biết tất cả các toạ độ và vị khoảng cách của chúng. Kế hoạch này đã được vua phê và phái một đội thuyền ra quần đảo Hoàng Sa để thực hiện sứ mệnh này (*Sách trắng* [chú giải số 55 ở trên], trg. 29-31, và xem *Dai Nam thực lục chính biên* (biên niên sử), tập 165, trích dẫn trg. 31).

⁷³ Chiu và Park (chú giải số 27 ở trên), trg. 7.

Năm 1867, Pháp đã kiểm soát toàn bộ miền Nam Việt Nam và đến cuối năm 1880 đã thiết lập sự bảo hộ của Pháp trên phần còn lại của Việt Nam⁷⁴. Trong thời kỳ chiếm đóng, như đã thảo luận ở phần trên, người Pháp đã duy trì và tăng cường yêu sách của họ đối với các quần đảo trong Biển Đông⁷⁵.

Vụ dụng độ có ý nghĩa với Trung Quốc xảy ra vào đầu những năm 1930 khi Trung Quốc thông báo ý định của họ về biểu giá thu từ việc khai thác phốt pho ở các đảo trong quần đảo Hoàng Sa. Như một đòn phủ đầu, Pháp đã phái tàu *La Malicieuse* đi tuần tra các đảo ở quần đảo Hoàng Sa nhằm mục đích rõ ràng là cấm cờ và dựng cột mốc chủ quyền⁷⁶. Ngày 4/12/1931, theo cách làm của Trung Quốc, Chính phủ Pháp đã gửi công hàm phản đối cho đại sứ quán Trung Quốc ở Paris. Pháp đã khẳng định các quyền của họ đối với quần đảo Hoàng Sa bằng cách tích lũy lại quá trình lịch sử của quần đảo này. Trong lời đáp lại ngày 12/4/1932, Trung Quốc đã bác bỏ lời phản đối của Pháp trên cơ sở cho rằng khi vua Gia Long Việt

⁷⁴ Sách trắng (chú giải số 55 ở trên), trg. 36.

⁷⁵ Xem chú giải 48-57 ở trên và văn bản kèm theo.

⁷⁶ Sách trắng (chú giải số 55) trg. 41. Tư liệu này ghi rằng lúc đầu Trung Quốc đòi quyền sử dụng quần đảo Hoàng Sa không liên tục. "Từ năm 1909, lần đầu Trung Quốc lại đưa ra yêu sách đối với quần đảo này. Một lần trong năm đó, những nhà lãnh đạo tỉnh Quảng Đông đã phải những thuyền chiến tiến hành hoạt động trinh sát ở đó. Ngày 21/3/1921, Tỉnh trưởng Quảng Đông đã ký sắc lệnh sáp nhập quần đảo Hoàng Sa vào đảo Hải Nam Trung Quốc. Tuy nhiên, hành động của ông ta không được chú ý vì nó chỉ được đăng trong công báo địa phương do đó không ai có thể biết để bình luận hay phản đối. Mặc dù tiếp theo hành động đó đã không có một hành vi chiếm đóng dưới bất cứ dạng nào..." (trg. 40-41).

Nam sở hữu quần đảo Hoàng Sa vào năm 1816, Việt Nam vẫn là nước chư hầu của Trung Quốc⁷⁷.

Trong văn kiện ngoại giao gửi tới Trung Quốc ngày 28/2/1937, Pháp đã đề nghị rằng những yêu sách đối nghịch nhau về quần đảo Hoàng Sa cần được giải quyết thông qua phân xử ở tòa án. Trung Quốc đã đáp lại Pháp bằng việc khẳng định lại yêu sách họ đối với quần đảo Hoàng Sa. Trước tình hình đó, Pháp đã điều những đơn vị quân đội là những trung đội lính Việt Nam trong lực lượng quân viễn chinh Đông Dương tới đóng tại nhiều đảo trong quần đảo Hoàng Sa. Một trong những nhiệm vụ của các đơn vị này là xây dựng các cột mốc chủ quyền trên các đảo khác nhau mà họ đã được phái đến⁷⁸.

Dưới sự chỉ huy của các sĩ quan Pháp, những đơn vị lính Việt Nam đã giữ nguyên vị trí ở quần đảo Hoàng Sa cho đến năm 1956, trừ khoảng thời gian quân Nhật chiếm đóng từ năm 1941-1945. Không lâu sau khi quần đảo Hoàng Sa trở về tay người Pháp vào năm 1946, những đơn vị lại được phái ra chiếm

⁷⁷ Việt Nam đã đáp lại yêu sách này của Trung Quốc như sau: "Sự thật có thể là, trong những thời kỳ lịch sử khác nhau, Việt Nam có lúc là nước chư hầu của Trung Quốc (mặc dù chưa thật chắc chắn rằng để đáp lại này, Trung Quốc hoàn toàn thừa nhận Việt Nam đã khẳng định yêu sách của họ đối với quần đảo Hoàng Sa). Cũng chính tự bản thân Chính phủ Trung Quốc đã lần lộn điểm khác biệt pháp lý giữa quyền bá chủ và chủ quyền; ngay cả nếu Việt Nam là nước chư hầu của Trung Quốc vào năm 1816, mối quan hệ chính thức về quyền bá chủ cũng không có thể loại bỏ chức năng chủ quyền Việt Nam như sáp nhập lãnh thổ mới" (Tài liệu đã dẫn).

⁷⁸ Cột mốc trên đảo Hoàng Sa có đoạn như sau: "République Française/Empire d' Annam/Archipel des Paracel/1816-Ile de Paracel - 1938" (tài liệu đã dẫn, trg. 40-41).

lại quần đảo Hoàng Sa. Vào năm 1946, vì cuộc chiến tranh Việt-Pháp nên những đơn vị này đã bị gọi về đất liền⁷⁹.

Vào ngày 13/1/1947, khi Pháp biết được rằng nhiều đảo trong quần đảo Hoàng Sa đã bị quân đội Trung Hoa dân quốc - những người được cử ra quần đảo để tước vũ khí quân đội Nhật thất trận - chiếm đóng, Pháp đã đưa ra lời phản đối chính thức. Thêm vào đó, Pháp đã cử tàu chiến *Le Tonhinois* tới quần đảo Hoàng Sa. Khi đến đảo Phú Lâm, họ phát hiện thấy nhiều đơn vị lính Trung Quốc đang chiếm giữ đảo nhưng họ lại bỏ qua. Vì lực lượng lính Pháp-Việt ít hơn rất nhiều nên họ rút về đảo Hoàng Sa để thiết lập sở chỉ huy. Một trong những việc làm đầu tiên của họ là xây dựng lại trạm khí tượng đã hoạt động trên đảo Hoàng Sa trong những năm 1938-1944. Trạm khí tượng quốc tế mang số hiệu 48860 này di vào hoạt động trong những tháng cuối năm 1947 và duy trì như vậy cho tới khi quân đội Trung Quốc đến xâm chiếm ngày 20/1/1974⁸⁰.

Vào ngày 14/10/1950, việc sự phỏng thủ quần đảo Hoàng Sa đã được chính phủ Pháp chuyển giao cho phía Việt Nam⁸¹. Trong năm 1956, Bộ Kinh tế Việt Nam đã cấp giấy phép đầu tiên cho phép một thương gia Sài Gòn khai thác phốt pho ở các đảo Vĩnh Lạc, Cam Tuyên và Hoàng Sa. Năm 1959, một giấy phép được cấp cho Công ty phân bón Việt Nam để khai thác phốt pho và chuyển cho một công ty của Singapor. Đầu những năm 1960, một giấy phép được cấp cho Công ty Phốt pho Việt Nam để khai thác phốt pho ở đảo Hoàng Sa. Vì

thua lỗ, vào năm 1963, hoạt động đặc biệt này đã chấm dứt⁸². Tháng 8/1973, Công ty Công nghiệp phân bón Việt Nam cùng với một công ty của Nhật - Công ty Marubeni Tokyo - đã thực hiện một cuộc nghiên cứu tính khả thi khôi phục lại việc khai thác phốt pho ở quần đảo Hoàng Sa⁸³.

Ngày 19/1/1974, CHND Trung Hoa đã tiến hành hoạt động quân sự và chiếm quần đảo Hoàng Sa. Trong hành động quân sự này, quân đội Trung Quốc đã ném bom xuống các đảo Cam Tuyên, Vĩnh Lạc và Hoàng Sa, và các đơn vị lính Trung Quốc đã đổ bộ lên và chiếm quần đảo này⁸⁴. Từ tháng 1/1974 cho đến nay, toàn bộ quần đảo Hoàng Sa nằm dưới sự kiểm soát của CHND Trung Hoa⁸⁵.

Yêu sách của Malaysia

Hiệp định ký kết với Indonesia ngày 27/10/1969 về việc xác định ba đoạn biên giới khác nhau đã đưa các yêu sách của Malaysia ở quần đảo Trường Sa thành tiêu điểm chú ý. Những đoạn này có khả năng đem lại cho Malaysia các quyền đối với một khu vực quan trọng ở Biển Đông, chỉ trừ khi Malaysia hoặc kiểm soát được một cách chắc chắn các đảo nằm kế cận

⁷⁹ Tài liệu đã dẫn, trg. 54.

⁸⁰ Tài liệu đã dẫn.

⁸¹ Tài liệu đã dẫn, trg. 90-93: "Trong trận hải chiến, lính Cộng hoà Việt Nam ... có ít người và súng đạn hơn. Họ có 18 người chết và 43 người bị thương, và thêm vào đó 48 nhân viên Việt Nam bị lính của CHND Trung Hoa bắt. Trong số đó có 4 nhân viên trạm khí tượng Hoàng Sa".

⁸² La Grange (chú số 5 ở trên), trg. 32.

⁷⁹ Tài liệu đã dẫn, trg. 43.

⁸⁰ Tài liệu đã dẫn.

⁸¹ Tài liệu đã dẫn, trg. 47-52.

trong quần đảo Trường Sa hoặc các đảo này không được đề ý đến khi vạch các đường biên giới này⁸⁶.

Trong năm 1979, Malaysia đơn phương mở rộng đường biên giới của họ từ điểm $109^{\circ}33'$ Đông và $6^{\circ}18'$ Bắc theo đường nằm vát ngang hướng trên Đông - Đông Bắc. Với việc đơn phương vạch đường biên giới này, các đảo An Bang và bãi ngầm Jeams ở phía ngoài bờ biển Sarawak trở thành nằm phía trong đường biên giới của Malaysia yêu sách⁸⁷. Không nghi ngờ gì nữa, động cơ thực sự chính phủ Malaysia làm việc này

⁸⁶ Xem Prescott, *Quyền tài phán trên biển* (chú giải số 15 ở trên), trg. 39-41.

⁸⁷ Tài liệu đã dẫn, trg. 40. Cũng xem Sammules (chú giải số 8 ở trên), trg. 162-63: "Rất có thể tranh chấp giữa Trung Quốc và Malaysia ở phía Nam khu vực yêu sách của Trung Quốc về quần đảo Trường Sa là nguyên nhân để Malaysia sử dụng đường đằng sau 200 m làm ranh giới thêm lục địa của họ - một ranh giới gối lên vùng Trung Quốc yêu sách. Các mỏ dầu ở Sarawak đóng một vai trò to lớn ngày một tăng trong việc làm cho Malaysia trở thành một nước sản xuất dầu khí lớn trong khu vực Đông Nam Á và tự nó lên tầm quan trọng của ranh giới Malaysia. Theo một báo cáo trong năm 1979, các công ty Exxon và Royal Dutch Shell đã đưa ra chỉ số tăng sản lượng ở những mỏ Sarawak tới 300.000 bbl. Rất có thể vì lý do này mà Kuala Lumpur và Bắc Kinh đã tránh chạm trán công khai đối với những yêu sách riêng của họ, mà thay vào đó, từ năm 1974 họ tìm kiếm những mối quan hệ kháng khít hơn. Về vấn đề đó, ngoại trừ bãi Tăng Mẫu và một số bãi cát ngầm khác, Trung Quốc chưa bao giờ phác hoạ yêu sách của họ trong khu vực này một cách cẩn thận. Và rất có thể bằng cách dung hoà, tất cả các bản đồ CH Trung Hoa và CHND Trung Hoa về khu vực này đều thể hiện một đường ranh giới gần như đi vào giữa bãi ngầm Tăng Mẫu và hai bãi cát ngầm nhỏ hơn thuộc vùng biển của Malaysia".

là nhằm tăng cường giành lấy các khu vực dầu mỏ ngoài khơi trong Biển Đông⁸⁸.

Vào đầu những năm 1970, thị trường dầu lửa trên toàn thế giới thay đổi dột ngột và tình kinh tế trong việc khai thác dầu khí ngoài khơi đã khuyến khích việc hành truy cập các khu vực trên Biển Đông. Qua tổng hợp các số liệu địa chấn đã phát hiện ra tiềm năng trữ lượng dầu lửa to lớn trên thềm lục địa từ Singapore đến Seoul mà có thể dựa vào khai thác có hiệu quả⁸⁹. Vào đầu những năm 1970, một thông báo về việc phát hiện một trữ lượng dầu khí khổng lồ ở ngoài khơi bờ biển Brunei cũng đã đẩy nhanh việc thăm dò. Để khuyến khích các công ty dầu lửa vào tìm kiếm dầu khí ngoài khơi, trong năm 1971-1972 Malaysia cũng như Philippine, Thái Lan, Cambodia và Nam Việt Nam đã tờ ý cho phép thăm dò tự do và đặc nhượng. Việc khuyến khích này chỉ làm tăng thêm sự tẩy chay của Tổ chức các nước xuất khẩu dầu lửa (OPEC) vào giữa năm 1973 và kèm theo là giá dầu lửa tăng đột ngột trên khắp thế giới. Vào năm 1973, năm giếng dầu đã được khoan trong vùng biển Malaysia⁹⁰.

Gần đây, Malaysia đã đóng quân trên ba hòn đảo san hô ở phía Nam quần đảo Trường Sa. Ngày 27/6/1988, Thủ trưởng Ngoại giao Malaysia Abdullah Fadzil Chewan đã thông báo

⁸⁸ Sammules (chú giải 8 ở trên), trg. 154-55: "Trữ lượng dầu thực tế hay dự đoán ngoài khơi ở Biển Đông là ... một nhân tố chủ chốt trong tranh chấp đối với các quần đảo và vùng biển xung quanh nó. Quả thực, đối với nhiều nhà phân tích, chỉ điều này cũng đủ tạo nên động cơ thực sự xung đột trong khu vực".

⁸⁹ Tài liệu đã dẫn, trg. 155.

⁹⁰ Tài liệu đã dẫn, trg. 155-156.

rằng đất nước của ông đã chiếm giữ đá Hoa Lai (Turumbu Layang-Layang) trong tháng 5/1983⁹¹. Ngày 2/7/1988, Bộ trưởng Ngoại giao Malaysia Abu Hassan Omar đã đưa ra lời kêu gọi công khai với năm quốc gia có yêu sách ở quần đảo Trường Sa. Quan điểm của ông ta là năm quốc gia nên cố gắng giải quyết những bất đồng giữa họ ngay lập tức để giảm bớt sự căng thẳng ở Biển Đông⁹².

Yêu sách của Philippine

Trong tháng 2/1979, Philippine đã chính thức đưa ra yêu sách đối với các đảo trong quần đảo Trường Sa mà họ gọi là nhóm đảo Kalayaan⁹³. Như đã nêu ở phần trước⁹⁴, Philippine

⁹¹ Hãng Thông tấn xã Pháp, *Malaysia có các đơn vị đồn trú* (chú giải số 23 ở trên). Đó là lần đầu tiên của Malaysia công nhận về việc chiếm đóng bằng quân sự trên một số đảo trong quần đảo Trường Sa. Có hai sĩ quan và 25 lính đóng ở bãi đá Hoa Lai (Turumbu Layang-Layang). Thêm vào đó một sĩ quan và 8 lính đổ bộ lên một đảo cùng nhóm là đá Kỳ Vĩn (Turumbu Matanani), và một tiểu hạm đội với số quân tương đương đổ bộ lên đá Kiệu Ngựa (Turumbu Ubi) vào tháng 11/1986. Vào thời điểm đưa ra thông báo này, Thủ trưởng Ngoại giao đã tuyên bố rằng chính phủ của ông sẵn sàng thương lượng với CH Trung Hoa về các yêu sách đối nghịch của họ liên quan đến quần đảo đang bị tranh chấp này trong Biển Đông. Cho dù đưa ra giải pháp hoà giải này, quan điểm của Malaysia vẫn là tìm cách chiếm đóng ba đảo san hô trên cơ sở thực tiễn và luật pháp quốc tế.

⁹² Thông Tấn xã Đức (chú giải số 24 ở trên).

⁹³ La Grange (chú giải số 5 ở trên), trg. 25, trích dẫn Sắc lệnh của Tổng thống số 1596, *Công báo* (Cộng hoà Philippine) 75, số 8 (ngày 19/2/1979): "Xét rằng, vì tính kế cận của chúng, các đảo lớn và nhỏ trong Biển Đông nằm trong ranh giới này có ý nghĩa quyết định đối với sự sống còn về an ninh và kinh tế của Philippine; Xét rằng, những khu vực này không chính thức thuộc bãi cùi quốc gia hay dân tộc nào, mà vì lý do lịch sử, như cầu không thể bỏ qua và sự chiếm đóng có

dã bố trí một lực lượng quân sự hùng mạnh để bọc lót cho yêu sách của họ đối với một số đảo của quần đảo Trường Sa. Năm 1971, Philippine đã bắt đầu bộc lộ việc chiếm đóng một cách hình thức ở nhóm đảo Kalayaan. Hành động này được tiến hành theo cách đặt vấn đề cho rằng nhóm đảo này là *res nullius (vô chủ)* và không thuộc quyền sở hữu của bất cứ quốc gia nào khác⁹⁵. Trong năm 1976, Philippine đã phản đối CHND Trung Hoa cho rằng việc thăm dò dầu khí trước đây ở bãi Cỏ Rong là một hành động vi phạm sự toàn vẹn lãnh thổ Trung Quốc và lập luận rằng bãi Cỏ Rong nằm bên trong khu vực thuộc thẩm lục địa của Philippine⁹⁶.

Các cuộc đàm phán và khả năng giải quyết

Chưa bao giờ có bất kỳ một cuộc đàm phán nào giữa Trung Quốc, Việt Nam, Malaysia và Philipine để giải quyết cuộc tranh chấp này. Một trong những trở ngại cơ bản để tự nguyện giải quyết cuộc tranh chấp này bắt nguồn từ thực tế là không một bên nào có đủ tính mềm dẻo để tạo ra một bầu không khí thuận lợi cho việc giải quyết cuộc tranh chấp này. Phần lớn các vấn đề được đưa ra xem xét đều nằm ngoài khuôn

hiệu quả và việc kiểm soát đang tiến hành phù hợp với luật quốc tế, những vùng như vậy bây giờ phải được quy về và thuộc chủ quyền của Philippine; Xét rằng, trong khi các quốc gia khác đã đưa ra các yêu sách đối với một số đảo trong những khu vực này, các yêu sách của họ không có giá trị và không thể mạnh hơn đòi hỏi của Philippine trên các phương diện pháp lý, lịch sử và công bằng".

⁹⁴ Xem chú giải số 17 ở trên và các văn bản kèm theo.

⁹⁵ La Grange (chú giải số 5 ở trên), trg. 26, trích dẫn Leo Lai-to, "CHND Trung Hoa và Biển Đông", *Theo dòng thời cuộc* 15, số 2 (tháng 2/1977): 6.

⁹⁶ La Grange (chú giải số 5 ở trên), trg. 26.

khô pháp lý, chúng có thể làm giảm rất lớn vai trò mà luật pháp quốc tế có thể giúp di đến một giải pháp⁹⁷. Đó chính là cốt lõi của cuộc tranh chấp này.

Các đảo không nên là một nhân tố chính trong việc hoạch định ranh giới

Cho dù vẫn dễ nói trên đã cho thấy luật pháp quốc tế không có thể đóng một vai trò quyết định trong việc giải quyết cuộc tranh chấp này, nó vẫn có thể có ích để xem xét một số tiêu chuẩn của luật pháp quốc tế liên quan đến khu vực này. Phần còn lại của bài này sẽ kiểm nghiệm vai trò của các đảo trong việc giải quyết các cuộc tranh chấp về biên giới và khuyến nghị rằng quyền sở hữu các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa không nên là một nhân tố quyết định trong việc phân chia không gian biển ở Biển Đông.

Nhìn chung, phù hợp với điều 121 của Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982⁹⁸, các đảo có thể tạo ra không gian biển giống như khối lục địa cố⁹⁹. Tuy nhiên, khoản

⁹⁷ Tài liệu đã dẫn, trang 19.

⁹⁸ Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển (ngày 10/12/1982), tài liệu của Liên hợp quốc A/HN 62, tái bản trong *Văn bản pháp lý quốc tế* 21 (1982): 1261, từ sau trở đi gọi là Công ước 1982. Xem *Luật biển: Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển cùng những giải thích Văn bản cuối cùng của Hội nghị Liên hợp quốc lần thứ ba về Luật biển*, tài liệu LHQ A/HN 62/122, Sales số E.83.V.5.

⁹⁹ Công ước 1982 (chú giải số 98 ở trên), điều 121: "Chế độ các đảo: 1. Đảo là một vùng đất tự nhiên có nước bao bọc, khí thủy triều lên vùng đất này vẫn ở trên mặt nước. 2. Với điều kiện phải tuân thủ khoản 3, lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa của một hòn đảo được hoạch định theo đúng các qui định của

3 của điều 121 đã định hình tiêu chuẩn của các đảo *không* có quyền định ra các vùng biển là "những đảo đá nào không thích hợp cho con người đến ở hoặc cho một dải sống kinh tế riêng". Những thuật ngữ được sử dụng trong đoạn này không được định nghĩa theo nghĩa khác trong công ước này và những nhà bình luận cho rằng trong một số trường hợp những thuật ngữ này phải được hiểu như thế nào¹⁰⁰. Trên cơ sở địa lý, thuật ngữ "các đảo" có thể bao hàm một nhóm mang đặc tính đảo, từ bãi cát đến khối lục địa rộng lớn tùy thuộc vào mục đích sử dụng theo chức năng¹⁰¹. Để đáp ứng cho những mục đích đòi hỏi các vùng biển bao quanh, thuật ngữ "đảo" đã được xem xét ngay từ đầu tại Hội nghị Pháp điển hoá luật quốc tế của Hội quốc liên

Công ước áp dụng cho các lãnh thổ đất liền khác. 3. Những đảo đá nào không thích hợp cho con người đến ở hoặc cho một dải sống kinh tế riêng, thì không có vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa".

¹⁰⁰ Xem, ví dụ, Derek Bowett, *Chế độ pháp lý của các đảo trong luật quốc tế* (Dobbs Ferry, New York: Nhà Xuất bản Đại dương, 1979), trang 8-9, 33-34, 248; Jon M. Van Dyke và Robert A. Brooks, "Các đảo không có người ở: Ảnh hưởng của chúng tới quyền sở hữu những tài nguyên biển", *Phát triển đại dương và luật quốc tế* 12 (1983): 265. Về cuộc thảo luận đáng chú ý về mối quan hệ giữa một số vấn đề không được nêu trong Công ước 1982, xem Robert L. Friedheim và Robert E. Bowen, "Những vấn đề không được chú ý tới ở Hội nghị luật biển lần thứ ba của Liên hợp quốc", *Luật biển: Những vấn đề bị bỏ qua*, biển tập J. K. Gamble, Jr. (Honolulu: Viện Nghiên cứu Luật biển, 1979), trang 2-36.

¹⁰¹ Xem Joseph R. Morgan, "Các vùng biển và chủ nghĩa khu vực ở Đông Nam Á", *Chính sách biển* 8 (1984): 299,300. Ngoài ra xem Jon M. Van Dyke, Joseph R. Morgan, và Jonathan Gurish, "Vùng đặc quyền về kinh tế của các đảo ở phía Tây Bắc Hawaii: Khi nào thì các đảo không có người ở có vùng đặc quyền về kinh tế?", *Tạp chí Luật San Diego* 25 (1988): 425, 433-35. Một phần của cuộc thảo luận này sẽ tiếp tục được phân tích trong bài này, nó đã được chấp nhận là thích hợp.

trong năm 1930, ở đó nó được định nghĩa là "một vùng đất thường xuyên nhô cao trên mực nước cương"¹⁰². Định nghĩa này sau đó được sửa đổi lại trong Công ước về Lãnh hải là "một vùng đất hình thành tự nhiên, có nước bao bọc, nhô cao trên mặt nước khi thủy triều lên"¹⁰³. Tương tự, dự thảo Công ước về Thềm lục địa cũng sử dụng thuật ngữ "các đảo" khi mô tả các địa hình có thể tạo ra một thềm lục địa nhưng nó lại không định nghĩa thuật ngữ này¹⁰⁴. Rõ ràng, cho dù đã chấp nhận định nghĩa này trong phần giải thích Công ước về Lãnh hải, thì Công ước về Thềm lục địa đã định ra những hạn chế trong khi sử dụng các đảo để tạo ra các thềm lục địa. Trước hết, những tranh chấp về các vùng biển do các đảo tạo ra phải được giải quyết bằng thoả thuận giữa các bên có liên quan¹⁰⁵. Thứ hai, "các hoàn cảnh đặc biệt" có thể yêu cầu có những hạn chế về không gian biển do các đảo tạo ra¹⁰⁶.

¹⁰² Hội nghị của Hội quốc liên về pháp điển hoà luật quốc tế, Hội quốc liên, tư liệu C 230. M. 117, 1930.V(1930), trg. 219.

¹⁰³ Công ước về lãnh hải và vùng tiếp giáp (29/4/1958), điều 10(1), UST 15: 1606, TIAS 5639, *Tuyển tập các hiệp ước của Liên hợp quốc (UNTS)* 516: 205.

¹⁰⁴ Xem điều 1(b) của Công ước về Thềm lục địa, làm tại Geneva (29/4/1958), UST 15:471, TIAS 5578, UNTS 499: 311.

¹⁰⁵ Tài liệu đã dẫn, điều 6.

¹⁰⁶ Tài liệu đã dẫn, điều 6(1). Xem, ví dụ, *Vụ liên quan đến hoạch định ranh giới thềm lục địa giữa Vương quốc Anh và Bắc Ailen, và Cộng hòa Pháp* (phán quyết ngày 30/6/1977), điều 202 (vị trí của nhóm đảo Channel tạo ra một "hoàn cảnh đặc biệt"), tái bản *Các văn bản pháp lý quốc tế* 18 (1979): 379, từ sau gọi là Vụ phân xử Anh-Pháp.

Mặc dù thuật ngữ "hoàn cảnh đặc biệt" không được định nghĩa trong Công ước về Thềm lục địa, nhưng tại Hội nghị của Liên hợp quốc về Luật biển lần thứ nhất tại Geneva, một đoàn đại biểu đã nêu

vấn đề định nghĩa các đảo để đáp ứng cho các mục đích xác định các vùng biển bị tranh chấp một lần nữa lại nổi lên tại Hội nghị lần thứ ba của Liên hợp quốc về Luật biển (Hội nghị III). Các đại biểu của Hy Lạp và ở các đảo trong Thái Bình Dương đã đưa ra đề nghị là cho tất cả các đảo có quy chế như các quốc gia lục địa¹⁰⁷. Mặt khác, Rumani, Thổ Nhĩ Kỳ và nhóm các quốc gia châu Phi đã đề nghị hạn chế các vùng biển của các đảo căn cứ vào các yếu tố như kích thước, dân cư và dân số¹⁰⁸. Kết quả của việc dung hòa là ngôn từ được sử dụng

lên rằng "kích cỡ, vị trí và tầm quan trọng có thể là tiêu chuẩn quyết định để khẳng định liệu một đảo cụ thể nào đó sẽ được tính đến khi xem xét một đường ranh giới biển" (lời phát biểu của H.R. Kennedy, đại biểu của Hội nghị của Liên hợp quốc lần thứ nhất về Luật biển, tái bản trong Van Dyke và Brooks (chú giải số 100 ở trên), trg. 276).

Những nhân tố thích hợp để xác định khi nào thì một đảo buộc phải giảm tác động lên việc hoạch định ranh giới sẽ được xem xét trên cơ sở tổng trường hợp một. "Kinh nghiệm ở Geneva (tại Hội nghị của Liên hợp quốc về Luật Biển lần thứ nhất) cho thấy rằng trong khi có nhận thức chung là sự hiện diện của các đảo có thể là một hoàn cảnh đặc biệt, thì lại không định hình được tiêu chuẩn như thế nào có thể vận dụng để xác định liệu các đảo có được tính đến hay không" (Clive R.Symmons, *Các vùng biển của các đảo trong luật quốc tế* [The Hague : Martinus Nijhoff, 1979], trg. 282 chú giải số 128, trích David J. Padwa, "Những đường biên giới dưới biển", *Tạp chí Luật sở sảnh và quốc tế hàng hải* 9 (1960): 628, 648). Để kết luận cuộc tranh luận liệu cách đặt vấn đề về "đường cách đều" hay "sự công bằng" có nên được áp dụng vào các đường ranh giới biển của các đảo ngoài khơi hay không, xem Sherry Broder và Jon M.Van Dyke, "Các đường ranh giới biển ở Nam Thái Bình Dương", *Tạp chí luật trường Đại học tổng hợp HaWaii* 4(1982): 1, 4-5.

¹⁰⁷ Để xem xét một cách chi tiết hơn những đề nghị về chế độ các đảo, xem Van Dyke và Brooks (chú giải số 100 ở trên), trg. 280-285 và các văn bản kèm theo.

¹⁰⁸ Tài liệu đã dẫn, trg. 281.

không rõ ràng ở điều 121. Điều 121(1) đã định nghĩa đảo là “một vùng đất tự nhiên có nước bao bọc, khi thủy triều lên vùng đất này vẫn ở trên mặt nước”¹⁰⁹. Mặc dù thuật ngữ “đảo đá” không được định nghĩa trong Công ước 1982, nhưng rõ ràng nó cũng xuất hiện trong nội dung văn bản, một đảo đá là một loại đảo đặc biệt. Vì công ước không đưa ra định nghĩa cụ thể thuật ngữ “đảo đá”, nên một số người có thể coi là hợp lý rằng những định nghĩa trước đây về thuật ngữ này có thể được áp dụng¹¹⁰.

Có thể lập luận rằng, thuật ngữ “đảo đá” chỉ là một định nghĩa địa lý thuần túy. Theo cách tiếp cận này, những địa hình có tính chất đảo nhưng cằn cỗi và không có khả năng định cư như là bãi cát và đảo san hô, thì chúng vẫn được coi là “đảo”, cho dù chúng nhỏ bé và chúng vẫn có vùng đặc quyền về kinh tế bất luận chúng có hay không có khả năng cho con người đến ở hoặc dời sống kinh tế ổn định¹¹¹. Cách đề cập này không thể được coi là một cách giải thích hợp lý vì nếu không sẽ dẫn tới kết quả rất vô lý, nói cách khác, cụ thể là một địa hình nhỏ bé mang tính đảo nhưng không có người ở mà có thể tạo ra một vùng đặc quyền về kinh tế trong khi đó đảo khác lại không có. Một cách hợp lý đòi hỏi là thuật ngữ “đảo đá” phải được định nghĩa không phải là một trường hợp địa lý ngoại lệ và phải phù

hợp với cách sử dụng theo nghĩa thông thường như định nghĩa trong từ điển - bao hàm cả bất kỳ một đảo nhỏ cằn cỗi nào.

Trong số những định nghĩa về “đảo đá” nêu trong *Từ điển quốc tế mới lần thứ ba của Webster* là: “Một khối đá nằm tại hoặc gần mặt nước” và “một đảo nhỏ cằn cỗi”¹¹². *Từ điển hàng hải*¹¹³ - một sản phẩm chính thức ở Mỹ do những người di biên biên soạn một cách chi tiết - định nghĩa một “đảo” là một “đảo đất nhỏ hơn lục địa, hoàn toàn bị nước bao bọc”¹¹⁴. *Từ điển hàng hải* còn định nghĩa một “đảo nhỏ” là “một đảo bé và rất nhỏ”¹¹⁵ và một “đảo đá” là “một khối đá nằm cách biệt hoặc một tảng đá lớn nằm đơn độc, thường xuyên tạo nên mối nguy hiểm cho hàng hải. Nó có thể luôn luôn chìm dưới nước, luôn luôn nhô lên hoặc lúc ẩn lúc hiện do thủy triều lên xuống. Đỉnh cao là điểm nhọn nhô lên từ đáy”¹¹⁶.

Những định nghĩa này gợi ý hai hướng để có thể hiểu ý nghĩa của điều 121(3). Định nghĩa thể hiện trong *Từ điển hàng hải* đưa ra cách mô tả theo khái niệm địa lý thuần túy. Trong lịch sử, đã có một vài đề nghị sử dụng những yếu tố địa lý đơn thuần để xác định kích thước, hình dáng và chất liệu của một

¹⁰⁹ Công ước 1982 (chú giải số 98 ở trên), điều 121(1).

¹¹⁰ Công ước Viên về Luật biển quốc tế (23/5/1969), điều 31(1), tài liệu của Liên hợp quốc A/HN 39/27, tái bản trong *Tạp chí Luật quốc tế của Mỹ* 63 (1969): 875.

¹¹¹ Xem, ví dụ, Robert D. Hodgson và Robert W. Smith, “Tài liệu đam phương dung để thảo luận không chính thức (Ủy ban II): Khía cạnh địa lý”, *Phát triển đại dương và luật quốc tế* 3 (1976): 225.

¹¹² *Từ điển quốc tế mới in lần thứ ba của Webster* (Cánh đồng mùa xuân, Mass: G. và C. Merriam Co., 1971). Cũng xem Hodgson và Smith (chú giải số 111 ở trên), trg. 230 (“Tương đối rõ ràng rằng ‘đảo đá’ được xem là một đảo nhỏ”).

¹¹³ Cục Hải dương học của Hải quân Mỹ, *Từ điển Hàng hải*, biên tập lần hai (1969).

¹¹⁴ Tài liệu đam, trg. 114.

¹¹⁵ Tài liệu đam.

¹¹⁶ Tài liệu đam.

địa hình có dạng đảo. Thường những định nghĩa này cũng chỉ chú ý tới điều kiện cho khả năng định cư của con người¹¹⁷.

Trong điều 121(3), việc giải thích về "thích hợp cho con người đến ở" và "dời sống kinh tế" cho thấy đòi hỏi thuật ngữ "đảo đá" đòi hỏi phải có những điều kiện nhiều hơn định nghĩa địa lý thuần tuý khách quan¹¹⁸. Thực ra, những thuật ngữ này cho thấy rằng việc xác định "đảo đá" theo nghĩa địa lý - văn hoá là cần thiết. Nếu nhấn mạnh đến hoạt động thực sự hay khả năng có thể của con người, thì tiêu chuẩn quan trọng nhất trong định nghĩa "đảo đá" nên chẳng là địa hình dạng đảo dấp úng được một cộng đồng dân cư ổn định là những người sử dụng vùng biển xung quanh nó¹¹⁹. Điều tất yếu là tiêu chuẩn này không thể đòi hỏi một địa hình dạng đảo tự bản thân có thể đảm bảo cho con người định cư vĩnh cửu, nhưng ít nhất thì nó cũng phải là chỗ dựa cho cộng đồng dân cư ổn định ở cạnh đó. Chẳng hạn, có thể địa hình loại này là nơi lui tới của các ngư

¹¹⁷ Ví dụ, Gidei đã bình luận về một trong những định nghĩa đầu tiên do Ủy ban Luật quốc tế đề xuất hoàn toàn theo nghĩa địa lý. Ông ấy đã đề nghị đổi lại là một đảo cần phải có những điều kiện tự nhiên "permettent la résidence stable de groupes humains organisés" (cho phép định cư ổn định của những nhóm người có tổ chức; Van Dyke và Brooks [chú giải số 100 ở trên], tr. 272, trích B. Gidei, *Luật quốc tế về công hải 3* (1934): 684).

¹¹⁸ Điều 121(3) cho thấy rằng có hai tiêu chuẩn về "đảo đá": (1) những đảo đá nào không đảm bảo cho con người đến ở hay dời sống kinh tế riêng, và (2) những đảo đá nào có thể đảm bảo được một trong hai hoặc cả hai điều kiện (Công ước 1982 [chú giải số 98 ở trên], điều 121[3]).

¹¹⁹ Van Dyke và Brooks (chú giải số 100 ở trên), tr. 272,288; Jenny Heins, "Vai trò của các địa hình dạng đảo để có được các vùng biển và việc hoạch định chúng", *Những thay đổi của biển* (Cape Town) 2 (1985): 63,72.

dân ở những đảo gần đó, sử dụng nó làm cơ sở đánh bắt tài nguyên sinh vật ở khu vực này. Theo nghĩa đó, cụm từ "thích hợp cho con người đến ở hoặc cho một đời sống kinh tế riêng" là một khái niệm đơn giản¹²⁰.

Dù thế nào đi nữa, tiêu chuẩn này đòi hỏi xem xét mối liên kết với tài nguyên có ở xung quanh cấu trúc dạng đảo nhiều hơn là việc think thông phái các nhà thăm dò và khoa học đến những phần nổi của cấu trúc này. Cũng nên lưu ý đến việc sử dụng đảo cho mục đích khác hơn là chỉ cản nhắc đến mối quan tâm mới có gân dây của dân cư sống ở xa đối với tài nguyên bao quanh bãi san hô, bãi ngầm và đảo đá không có người định cư. Đối với những địa hình mang tính đảo mà thích hợp cho con người đến ở hoặc cho những cộng đồng sống ổn định ở gần đó, việc định giới hạn những vùng biển cho chúng cần tránh biện minh cho việc tuyên bố sau đó về một vùng biển

¹²⁰ Symmons thừa nhận tầm quan trọng của "khả năng định cư" khi ông ấy thảo luận lời kháng nghị của đoàn đại biểu Fiji. Fiji đã lập luận rằng việc chấp nhận yêu cầu về khả năng định cư sẽ tạo ra sự phân biệt chống lại các quốc đảo bởi vì không một quốc gia nào đề nghị rằng một quốc gia lực lượng sẽ bị tước đoạt tài nguyên biển nằm tiếp giáp với bất kỳ một vùng đất không người định cư nào của họ. Qua đó, Symmons đáp lại rằng "ngay cả khi nếu một vùng lãnh thổ đất liền không có người đến lập nghiệp ở vùng ven biển, thì ít nhất cũng sẽ có vài vùng dân cư như ở khối lực lượng *military (đồng nhất)*. Tuy nhiên, ở những nơi không phải là khối lực lượng đồng nhất, như trường hợp một nhóm đảo, hành lý do đó không có nghĩa là cần cứ vào tính công bằng và thích hợp thù các đảo không có người ở của nhóm đảo này sẽ dễ dàng bị coi là những nơi không người định cư, đặc biệt dưới ánh sáng của việc phát triển vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý" (Symmons [chú giải số 106 ở trên], tr. 48).

rộng lớn để nhằm mục đích tạo ra một dời sống kinh tế cho địa hình dạng đảo này¹²¹.

Thuật ngữ “cộng đồng ổn định” có thể cung cấp một chỉ dẫn có ích cho việc đánh giá số lượng dân cư sống gần đó. Cách tiếp cận theo nghĩa thông thường sẽ đưa ra được một số chỉ dẫn về những gì cần được ưu tiên xem xét. Rõ ràng, năm người sẽ là quá ít để thiết lập một cộng đồng ổn định, nhưng 50 người có thể là đủ số lượng thích hợp. Việc lui tới không thường xuyên của những nhà khoa học ham hiểu biết sẽ không thể hình thành một cộng đồng ổn định để có được một vùng đặc quyền về kinh tế cho các đảo đá, đảo nhỏ, bãi cạn hoặc bãi san hô. Tuy nhiên, việc sử dụng mang tính lịch sử vùng nước bao quanh cũng có thể cung cấp một chỉ dẫn có ích, đáng tin cậy cho khu vực này và vì vậy có thể đáp ứng cho việc ngăn chặn những yêu sách đối nghịch đối với tài nguyên của vùng biển nằm tiếp giáp¹²². Dĩ nhiên, với giả định là các địa hình

¹²¹ Một trường hợp tương tự có thể được dự kiến từ phương pháp trong đó các đảo nhân tạo được nêu trong Công ước 1982 (chú giải số 98 ở trên). Điều 60(8) tuyên bố rõ rằng các đảo nhân tạo, thiết bị và công trình không có lãnh hải của chúng hoặc “ảnh hưởng tới việc hoạch định ranh giới lãnh hải, vùng đặc quyền về kinh tế hay thêm lục địa”. Lý do chủ yếu của điều khoản này là để ngăn cản các quốc gia xây dựng các đảo nhân tạo nhằm mở rộng quyền tài phán của họ đối với tài nguyên biển. Tương tự, điều 121(3) được giải thích là để không cho phép các quốc gia tự động đưa dân ra chiếm các đảo không người định cư của họ để mở rộng quyền tài phán của họ đối với tài nguyên biển.

¹²² Một yêu sách lịch sử đối với vùng biển xung quanh có thể căn cứ vào những nhân tố thể hiện (1) những cộng đồng ở xung quanh sống dựa vào vùng biển để đánh cá và đi biển, (2) các vùng biển này hoàn toàn không bị yêu sách trước khi có dự thảo Công ước 1982 và (3) các quốc gia khác chấp nhận phạm vi và cách sử dụng đặc biệt như vậy. Đối

mang tính đảo không có người định cư không thể có thêm lục địa hoặc vùng đặc quyền về kinh tế¹²³, thì quốc gia yêu sách phải chấm dứt diệp khíc thiết lập những yêu sách như thế. Cuối cùng, những thuật ngữ này sẽ được giải thích như thế nào còn phụ thuộc vào chiều hướng của những yêu sách trên biển hiện nay do các quốc gia đại diện cho những địa hình dạng đảo không có người định cư đưa ra và vào phạm vi các vùng biển yêu sách mà được các quốc gia khác chấp nhận.

CÁCH XỬ LÝ CÁC ĐẢO NHỎ TRONG NHỮNG QUYẾT ĐỊNH QUỐC TẾ GẦN ĐÂY LIÊN QUAN TỚI CÁC ĐƯỜNG BIÊN GIỚI BIỂN

Các yêu sách đối với các vùng biển của các đảo xa bờ nằm trong số các xung đột thường xuyên xảy ra nhất, chúng đòi hỏi phải thương lượng hoặc phân xử¹²⁴. Những giải pháp

chiều với *Vụ đánh cá (Vương quốc Anh và Na Uy)*, Toà án quốc tế (1951): 115, 133 (“[một] lý do không được bỏ qua, một khi phạm vi của nó mở rộng ra ngoài những nhân tố địa lý, [là] các quyền lợi kinh tế mang tính đặc biệt của khu vực này đã được quá trình sử dụng lâu dài chứng minh rõ ràng trên thực tế”). Nhiều cộng đồng trên đảo ở Micronesia, ví dụ, đã sử dụng các đảo san hô gần đó nhưng không có người định cư làm cơ sở đánh cá. Việc tăng dân số trong khu vực này sẽ làm cho các khu vực đánh cá có tầm quan trọng ngày một tăng.

¹²³ Ban Thư ký, Ủy ban Luật quốc tế, “Chế độ pháp lý của các vùng nước lịch sử, bao gồm cả những vịnh lịch sử”, Đại hội đồng LHQ, *Báo cáo chính thức* 14, Tài liệu LHQ A/HN 4/143 (1962), tr. 52.

¹²⁴ Ví dụ, các cuộc đàm phán diễn ra giữa Mỹ và Venezuela về các đảo ở Caribbean; xem Kaldone G. Nweilled, “Việc hoạch định vùng kinh tế (không dễ dàng) ở vùng biển phía nam Caribbean: Những hiệp định gần đây giữa Venezuela và các nước láng giềng” *Tạp chí Phát triển đại*

cho những cuộc xung đột này đã tạo ra một số lượng lớn các quan điểm quốc tế phong phú về những địa hình dạng đảo. Những nhà bình luận và những nhà ngoại giao từ lâu đã thừa nhận là hình thái các đảo có thể làm ảnh hưởng đến việc hoạch định các ranh giới biển theo nghĩa là chúng có thể bị nhìn nhận là không công bằng, và trong nhiều trường hợp thấy rằng các đảo bị bỏ qua hoặc tìm cách giảm ảnh hưởng của chúng khi vạch các ranh giới biển¹²⁵.

đương và Luật quốc tế 8 (1980): 1. 21; giữa Nhật và Triều Tiên về các đảo Danjo Gunto và Toshima, xem Choon-Ho Park, "Đầu mò dưới các vùng biển tranh chấp: Cuộc tranh luận về đáy biển Đông Bắc Á", *Báo Luật quốc tế Harvard* 14 (1973): 212, 223, 239; giữa Ý và Nam Tư về các đảo Pelagruz (Pelagasa) và Cailoa, xem Symmons (chú giải số 106 ở trên), trg. 194, và giữa Saudi Arabia và Iran về đảo Al 'Arabia, xem Symmons (chú giải số 106 ở trên), trg. 194, và *Các văn bản pháp lý quốc tế* 8 (1969): 493.

Có một vài cuộc tranh chấp đã được đưa ra quốc tế phân xử. Xem, ví dụ, vụ phân xử Anh-Pháp (chú giải số 106 ở trên). Na Uy và Iceland đã đưa ra vấn đề hoạch định ranh giới biển giữa Iceland và đảo Jan Mayen của Na Uy để hòa giải. Xem "Báo cáo và đề nghị của Ủy ban Hòa giải gửi cho Chính phủ Iceland và Na Uy về thềm lục địa giữa Iceland và Jan Mayen" (1980), *Các văn bản pháp lý quốc tế* 20 (1981): 797. Chile và Argentina đã đưa vụ tranh chấp các đảo trong eo biển Beagle lên Toà án thánh Vatican phân xử việc hoạch định ranh giới lãnh hải và các vùng biển trong khu vực này (Hiệp ước Hoà bình và Hữu nghị, *Các văn bản pháp lý quốc tế* 24 (1958): 11).

¹²⁵ Xem, ví dụ, những tuyên bố của các đoàn đại biểu Iran và ý ở hội nghị Geneva 1958, ở đó cả hai bên đã lý luận rằng các đường ranh giới biển nên là đường trung tuyến giữa lục địa của các nước và các đảo đó sẽ không có bất cứ ảnh hưởng nào đến đường ranh giới này (Gerard J. Tanj, *Việc hoạch định ranh giới biển quốc tế hợp pháp* [Deventer, Hà Lan: Kluwer, 1990], trg. 41 chú giải số 114, trích dẫn từ cuộc họp lần thứ 32, Ủy ban IV (9/4/1958), Off. Rec. VI, trg. 93-94 và cuộc họp lần thứ 33, Ủy ban IV, tài liệu đã dẫn, trg. 96). Ngoài ra xem tóm tắt đánh giá của Tanj (trg. 78-80) về quan điểm của những

Những phán quyết và việc phân xử của tòa án

Với quan điểm cho rằng các đảo không phải lúc nào cũng có đầy đủ các vùng biển đã được tòa án nhấn mạnh trong *Vụ Thềm lục địa Biển Bắc*¹²⁶. Đây là một phán quyết nổi tiếng vì đã nhấn mạnh đến khái niệm "sự kéo dài tự nhiên" của thềm lục địa¹²⁷. Từ khía cạnh này, thềm lục địa dưới đáy biển được coi như phần mở rộng của lục địa, nó dẫn tới kết luận rằng các đảo nhỏ lên từ thềm lục địa không có cùng khả năng tạo ra các vùng biển như khối lục địa có được. Thực ra, tòa án đã phát biểu rõ trong Vụ Biển Bắc là việc hoạch định ranh giới nên "bỏ qua sự hiện diện của các đảo rất nhỏ, đảo đá và các địa hình nhỏ nhô ra khỏi bờ biển"¹²⁸.

Trong việc phân xử giữa Anh và Pháp năm 1977¹²⁹, tòa án đã chú ý nhiều đến ảnh hưởng của các đảo lên việc hoạch định ranh giới thềm lục địa. Sự tranh chấp này đòi hỏi xác định (1) liệu quần đảo Channel của Anh có quyền có thềm lục địa cho riêng từng đảo và (2) chúng sẽ có ảnh hưởng gì về việc hoạch định ranh giới thềm lục địa giữa Vương quốc Anh và Pháp.

bình luận viên khác, như Shigeru Oda (hiện nay là thẩm phán tòa phúc thẩm quốc tế) người đã viết trong năm 1968 rằng "việc tính đến sự hiện diện của các đảo khi vạch đường trung tuyến là không thể chấp nhận được" (Shigeru Oda, "Ranh giới thềm lục địa", *Niệm giám Luật quốc tế của Nhật* 12 (1968): 280-83).

¹²⁶ *Toà án quốc tế* (1969): 3.

¹²⁷ Tài liệu đã dẫn, mục 43,45.

¹²⁸ Tài liệu đã dẫn, mục 57.

¹²⁹ Vụ phân xử Anh-Pháp (chú giải số 106 ở trên).

Quần đảo Channel có bốn nhóm đảo với các đảo chính là Jersey, Guernsey, Alderney, Sark, Herm và Jethou cũng như vô số những đảo đá và các đảo nhỏ bé mà trong số đó có nhiều đảo có người ở¹³⁰. Quần đảo này thuộc chủ quyền của Anh nhưng lại nằm ngay sát và cách bờ biển Normandy của Pháp 6,6 km¹³¹ (nghĩa là “nằm bên trái đường trung tuyến”)¹³².

Tòa án đã chấp nhận có những dải biển rộng 12 hải lý bao quanh quần đảo Channel¹³³ nhưng dù thế nào đi nữa tòa án quy định rằng các đảo đó không được ảnh hưởng đến việc hoạch định ranh giới ban đầu và vì vậy những khu vực nằm xung quanh bên ngoài những dải này sẽ thuộc về Pháp. Trên cơ sở đường trung tuyến, tòa án đã bác bỏ đề nghị của Anh rằng đường trung tuyến “mặc nhiên lệch về phía Nam bao quanh quần đảo Channel”¹³⁴. Tòa án cũng giải thích rằng khái niệm pháp lý của sự kéo dài tự nhiên đòi hỏi xem xét các hoàn cảnh

¹³⁰ Tài liệu đã dẫn, tr. 408-409, mục 6.

¹³¹ Tài liệu đã dẫn.

¹³² Tài liệu đã dẫn, tr. 440, mục 173. Bằng chứng địa lý chỉ ra rằng nhóm đảo Channel là một bộ phận của khối lục địa rộng lớn trải rộng từ Anh và Normandy. Xem Symmons (chú giải số 106 ở trên), tr. 138. Nhóm đảo này có tổng diện tích đất là 195 km² và dân số khoảng 130.000 người. Xem Bowett (chú giải số 106 ở trên), tr. 195. Về mặt chính trị, nhóm đảo Channel phụ thuộc vào Anh, nhưng về mặt hiến pháp không là phần đất của Anh (tr. 441, mục 184).

¹³³ Giải pháp này là trường hợp đầu tiên trong thực tiễn tạo nên một khu vực thẩm lực địa hoàn toàn nằm trong một quốc gia khác (Bowett [chú giải số 100 ở trên], tr. 206).

¹³⁴ Vụ phân xử Anh-Pháp (chú giải số 106 ở trên), tr. 442, mục 189. “Theo quan điểm của Tòa án ... việc giải thích hoàn cảnh như vậy trong vùng nhóm đảo Channel sẽ là vô lý về mặt pháp lý cũng như, hiển nhiên, về mặt địa lý” (mục 190).

địa lý để làm rõ “bất kỳ một việc cần nhắc nào của luật pháp và tình công bằng”¹³⁵. Vấn đề có ý nghĩa to lớn là tòa án đã bỏ qua toàn bộ đảo đá nhỏ và các đảo trong quần đảo Channel không có người ở¹³⁶.

Một vấn đề khác trong vụ phân xử Anh-Pháp liên quan tới hiệu lực của nhóm đảo Scilly nằm ngoài bờ biển Anh gần mũi Land, và đảo Ushant (Ouessant) của Pháp ở ngoài bờ biển phía Tây Bắc của Pháp. Nhóm đảo Scilly nằm cách đất liền khoảng 21 hải lý (34 km) là “một nhóm gồm 48 đảo, trong đó 6 đảo có người định cư”¹³⁷.

Tòa đã giải quyết vụ tranh chấp này bằng cách cho các nhóm đảo nói trên “nửa hiệu lực”. Tòa đã xây dựng một hệ thống đường cơ sở và đường cách đều trên cơ sở dùng các nhóm đảo này, và bỏ qua các đường khác. Sau đó chia đổi hình tam giác đã được hình thành để tạo ra đường chia có nửa hiệu lực¹³⁸. Trong một chừng mực nào đó, Tòa đã lập luận việc sử dụng cách giải quyết nửa hiệu lực này của họ trên cơ sở vì nhóm đảo Scilly nằm cách mũi Land xa gấp hai lần so với nhóm đảo Ushant cách Finistère¹³⁹, và phần nào vì cả những điều kiện kinh tế và chính trị trên quần đảo này¹⁴⁰.

¹³⁵ Tài liệu đã dẫn, tr. 443, mục 194.

¹³⁶ Tài liệu đã dẫn, tr. 441, mục 184.

¹³⁷ Tài liệu đã dẫn, tr. 450-451, mục 227.

¹³⁸ Tài liệu đã dẫn, tr. 455, mục 249.

¹³⁹ Bowett (chú giải số 100 ở trên), tr. 215, trích *Các văn bản pháp lý quốc tế* 18: 455, mục 251.

¹⁴⁰ Bowett (chú giải số 100 ở trên), tr. 223-224.

Về hình thức, khái niệm nửa hiệu lực đã được vận dụng trong nhiều trường hợp khác mà ở đó cũng đạt được những kết quả tương tự thông qua đàm phán. Chẳng hạn, Ý và Nam Tư có rất nhiều đảo rất nhỏ nằm giữa hai nước ở Địa Trung Hải được cho nửa hiệu lực trong khi hoạch định ranh giới¹⁴¹. Tương tự, trong hoạch định ranh giới giữa Iran và Saudi Arabia, đảo của Kharg đã được cho nửa hiệu lực¹⁴².

Một năm sau vụ phân xử Anh-Pháp, trong năm 1978, Úc và Papua New Guinea đã thương lượng được một giải pháp "giá trị tưởng tượng"¹⁴³ để giải quyết tình huống do sự hiện diện của các đảo của Úc nằm gần bờ biển đất liền của Papua New Guinea gây ra¹⁴⁴, các đảo này cũng nằm "bên trái" đường trung tuyến. Cả hai quốc gia chấp nhận rằng Úc sẽ tạo ra một "ranh giới không công bằng nếu cho các đảo nhỏ bé này hiệu

¹⁴¹ Northcutt Ely, "Các đường ranh giới biển giữa các quốc gia ven biển: Tác động của việc cho các đảo nhỏ là hoàn cảnh đặc biệt," *Luật quốc tế* 6 (1971): 219, 227-28; Hirant W. Jayewardene, *Chế độ của các đảo trong luật quốc tế* (Dordrecht, Hà Lan: Martinus Nijhoff, 1990), trg. 412-413.

¹⁴² Ely (chú giải số 141 ở trên), trg. 229; Bowett (chú giải số 100 ở trên), trg. 215, tách dẫn Văn phòng Địa lý của Bộ Ngoại giao Mỹ, *Những ranh giới biển*, số 24; Jayewardene (chú giải số 141 ở trên), trg. 403-404.

¹⁴³ J.R.V. Prescott, *Các đường ranh giới biển quốc gia trên thế giới* (London: Methuen 1958), trg. 191.

¹⁴⁴ Úc - Papua New Guinea: Hiệp ước về Chủ quyền và các ranh giới biển trong vùng giữa hai quốc gia (18/12/1978), *Các văn bản pháp lý quốc tế* 23 (1984): 291.

lực toàn phần"¹⁴⁵, và vì vậy họ đã quyết định các đảo này chỉ có những vùng đánh cá chứ không ảnh hưởng đến ranh giới thềm lục địa. Bằng cách đó, các bên đã đồng ý rằng các đảo của Úc được xem như nằm trên thềm lục địa của Papua New Guinea¹⁴⁶.

Từ năm 1982, trong ba phán quyết của Tòa án quốc tế về ranh giới biển, trong mỗi trường hợp toà đều có quan điểm cho rằng các đảo chỉ nên có một phần hiệu lực trong việc hoạch định các ranh giới này. Phán quyết đầu tiên là *Vụ Thềm lục địa Tunisia-Libya* năm 1982¹⁴⁷, ở đó toà đã dựa vào phán quyết của toà khi phân xử trường hợp Anh-Pháp và chỉ cho nhóm đảo Kerkennah của Tunisia nửa hiệu lực khi hoạch định ranh giới thềm lục địa giữa hai quốc gia này. Đảo chính của Kerkennah rộng 180 km² (62 hải lý vuông) và có số dân là 15.000 người¹⁴⁸.

¹⁴⁵ Prescott, Các đường ranh giới biển quốc gia (chú giải số 143 ở trên), trg. 191.

¹⁴⁶ Xem bản đồ trong tài liệu này.

¹⁴⁷ *Vụ Thềm lục địa Tunisia - Libya*, tại *Tòa án quốc tế* (1982): 89, mục 129.

¹⁴⁸ Tòa án đã phác họa một đường hoạch định giữa Tunisia và Libya có hai đoạn để điều chỉnh việc thay đổi hướng chung đường bờ biển của Tunisia. Đoạn đầu di từ biển giới đất liền giữa Tunisia và Libya ở Ras Ajdir ra hướng biển, vuông góc với bờ biển và tạo thành một góc nghiêng khoảng 26° chệch về phía Đông Bắc. Thay cho việc tiếp tục kéo dài ranh giới tại góc đó tới lục địa, tòa án đã vẽ lệnh đoạn thứ hai về phía Đông tạo cho thềm lục địa của Tunisia nhiều hơn vì có tính đến sự thay đổi đường bờ biển của Tunisia. Tuy nhiên, việc di chệch hướng đó cũng nhỏ hơn góc phải có khi tính đến nhóm đảo Kerkennah mà được thể hiện là hướng đi của đường bờ biển. Đường ranh giới biển có tính đến đảo Kerkennah là kết quả trung bình kết

Tương tự, các đảo Seal và Mud của Canada và các đảo nhỏ nằm kế cận khác trong vùng lân cận mũi Sable ở Nova Scotia cũng chỉ có nửa hiệu lực trong Vịnh Maine¹⁴⁹. Giống như trong việc hoạch định ranh giới Tunisia-Libya, thẩm phán đã dùng một đường có hai đoạn, đoạn thứ nhất gần như vạch theo phương pháp đường cách đều. Đoạn thứ hai phân chia vùng biển giữa Mỹ và Canada theo tỷ lệ giữa chiều dài các đường bờ biển của hai nước trong vịnh¹⁵⁰. Đảo Seal và các đảo nhỏ nằm kế cận nó không có hiệu lực, tỷ lệ giữa vùng biển của Mỹ so với vùng biển của Canada sẽ là 1,38/1 trên cơ sở tỷ lệ giữa các đường biển của họ¹⁵¹. Tòa đã quyết định rằng mặc dù đảo Seal và các đảo gần nó “không có thể bỏ qua” nhưng vì kích cỡ và vị trí địa lý của chúng¹⁵², nên sẽ là “quá mức” nếu

hợp với đường bờ biển giả định không tính sự hiện diện của đảo. Nhìn chung, xem Donna R. Christie, “Từ những bãi ngầm Ras Kaboudia tới vùng biển ven bờ Tripoli: Việc hoạch định ranh giới thềm lục địa Tunisia/Libya”, *Báo Luật quốc tế và so sánh thuộc thời đại vua George* 13 (1983): 1,19.

¹⁴⁹ Vụ Vịnh Maine, ở *Tòa án quốc tế* (1984): 246, 336-337, mục 227.

¹⁵⁰ Tài liệu đã dẫn, trg. 336, mục 221.

¹⁵¹ Tài liệu đã dẫn, đoạn 222.

¹⁵² Tòa án đã tuyên bố: “Phiên tòa khẳng định đảo Seal (cùng với các đảo nhỏ nằm kế cận, đảo Mud), vì cả hai lý do kinh thước của nó, và cụ thể hơn là do vị trí địa lý của nó, không thể bỏ qua vì mục đích hiện tại. Phù hợp với thông tin mà Tòa có được, đảo này dài khoảng 2,5 hải lý và cao khoảng 50 bộ trên mực nước biển và quanh năm không người định cư. Điều này cho thấy rằng vì nó nằm phía ngoài mũi Sable chỉ khoảng 9 hải lý phía trong đường cửa vịnh, do đó đảo chiếm một vị trí thống trị ở lối vào vịnh” (tài liệu đã dẫn, trg. 336-337, mục 222).

cho chúng hiệu lực toàn phần¹⁵³. Vì vậy, tòa đã quyết định rằng là điều hợp lý khi cho các đảo này nửa hiệu lực và kết quả đã tạo ra tỷ lệ vùng biển giữa Mỹ và Canada là 1,32/1¹⁵⁴.

Trong Vụ Thềm lục địa Libya-Malta năm 1958¹⁵⁵, tòa đã chỉ ra rằng nguyên tắc công bằng đòi hỏi đảo nhỏ không người định cư Filfa của Malta và nằm về phía Nam đảo chính 3 hải lý (5 km) không nên được tính đến *trong bất cứ cách nào* khi vạch ranh giới giữa hai quốc gia¹⁵⁶. Điều quan trọng hơn cả là tòa nêu rõ rằng đảo chính Malta chỉ có khả năng nhất định để có các vùng biển so với đường bờ biển rất dài của Libya.

Tòa đã bắt đầu bằng đường trung tuyến giữa hai quốc gia và dịch đường này lên phía Bắc khoảng 18' vĩ tuyến để tính đến “sự khác biệt rất lớn giữa chiều dài các đường bờ biển”¹⁵⁷ gây ra do Malta thật sự chỉ là một đảo nhỏ so với đường bờ biển rất

¹⁵³ Không có sự giải thích được đưa ra để xác định rằng “nó sẽ quá nhiều” (tài liệu đã dẫn).

¹⁵⁴ Tài liệu đã dẫn.

¹⁵⁵ Vụ Thềm lục địa Libya-Malta, ở *Tòa án quốc tế* (1958): 13.

¹⁵⁶ Tài liệu đã dẫn, 48, mục 64. Sau khi tham khảo tuyên bố trong Vụ Thềm lục địa Biển Bắc trích dẫn trong nội dung ở chủ giải số 128 ở trên, tòa án đã tuyên bố: “Bằng cách đó, Tòa thấy công bằng là không tính lên đảo Filfa khi vạch đường trung tuyến tam giác giữa Malta và Libya”. Đảo Filfa, trong những năm trước đây thường dùng cho luyện tập và bây giờ là nơi bảo tồn chim thú (phóng viên Anvid Pardo). Honolulu [18/5/1988].

¹⁵⁷ Vụ Thềm lục địa Libya-Malta (chủ giải số 155 ở trên), trg. 49, mục 66.

đài Libya¹⁵⁸. Sau đó, tòa đã khẳng định tính hợp lý của giải pháp này bằng cách kiểm tra “tính tương xứng” giữa chiều dài đường biển của hai quốc gia¹⁵⁹ và “tính công bằng” của kết quả¹⁶⁰.

Diện tích bề mặt của đảo chính Malta là 122 hải lý² (gấp hai lần Washington D.C.) và có dân số hơn 350.000 người. Vì vậy, trong khả năng vận dụng các yếu tố của các đảo để đưa ra yêu sách đối với vùng biển nằm kế cận, ngay cả các đảo có số lượng dân cư đông và ổn định cũng không thể tương đương với khối lục địa.

Cũng vậy, trong phán quyết về vụ tranh chấp ranh giới biển giữa Guinea và Guinea-Bissau năm 1985¹⁶¹, tòa trọng tài

¹⁵⁸ Tài liệu đã dẫn, tr. 52, mục 73. Một bình luận viên đã mô tả tòa án đã làm như sau: “Để xác định kích thước thì phải dịch đường ranh giới về phía Malta, Tòa đã tính phần dịch chuyển tối thiểu (đó là đường cách đều đơn giản), tối đa (đường cách đều giâm Libya và Sicily bỏ qua đảo Malta) và phân tích điểm khác biệt giữa hai quốc gia. Cuối cùng Tòa đã tuyên bố mà không giải thích rằng việc dịch đường cách đều giữa Malta và Libya về phía Bắc với khoảng cách là lấy 75% sự khác biệt giữa hai quốc gia sẽ là một giải pháp ‘công bằng’” (John Briscoe, “Việc sử dụng các đảo trong hoạch định ranh giới biển quốc tế”, trong *Quyền đòi với tài nguyên biển*, biên tập D.G. Dallmeyer và L.DeVorsey, Jr. (Dordrecht, Hà Lan: Martinus Nijhoff, 1989), tr. 115, 141).

¹⁵⁹ Vụ Thêm lục địa Libya-Malta (chú giải số 155 ở trên), tr. 53, mục 74.

¹⁶⁰ Tài liệu đã dẫn, mục 75.

¹⁶¹ Việc hoạch định ranh giới biển giữa Guinea và Guinea-Bissau (phán quyết định của tòa, 14/12/1985), *Các văn bản pháp lý quốc tế* 25 (1986): 252.

đã đưa ra hai quyết định liên quan tới các đảo phù hợp với sự phân tích này. Trước hết, tòa giải thích đảo nhỏ Alcatraz của Guinea không có vai trò tạo ra một vùng biển nào, mặc dù đảo nhỏ này đã được đưa ra xem xét ở vài nơi. Đường đích dắc mà đã được tòa chấp nhận chạy rẽ sát đảo Alcatraz. Dường như tòa cũng đã cân nhắc đến vị trí của đảo Alcatraz là nằm ở phía “bên phải” (bên phía Guinea) của ranh giới này nhưng lại không thấy rằng đảo Alcatraz tự nó cũng phải có một vùng biển¹⁶².

Thứ hai, tòa đã tính cả các đường bờ biển của các đảo lớn nằm xa bờ của Guinea-Bissau vào việc xác định các đường bờ biển tổng thể của hai nước để xem xét “tính cân xứng” của chúng và cũng vậy để đánh giá liệu có thể đưa đến một “giải pháp công bằng” không khi chấp nhận ranh giới này¹⁶³.

Những hiệp ước song phương

Những việc hoạch định ranh giới thông qua đàm phán trong thời gian qua cũng hỗ trợ tích cực cho quan niệm là các đảo thường không đủ hiệu lực để tạo ra các vùng biển. Ví dụ, những hiệp ước Nam Tư- Ý và Úc - Papua New Guinea đã được nêu ở trên¹⁶⁴. Một quyển sách gần đây¹⁶⁵ gồm hơn 100 trang mô tả các ranh giới biển đã được giải quyết thông qua đàm phán có liên quan đến các đảo, trong đó đã cung cấp

¹⁶² Tài liệu đã dẫn, các mục 103, 106-107.

¹⁶³ Tài liệu đã dẫn, mục 120.

¹⁶⁴ Xem chú giải số 141 và 143-146 ở trên và các văn bản kèm theo.

¹⁶⁵ Jayewardene (chú giải số 141 ở trên), tr. 372-488.

những minh họa sống động về phần lớn các hiệp ước không cho các đảo hiệu lực đầy đủ.

Những trường hợp điển hình về những ranh giới biển nói trên là các ranh giới giữa Abu Dhabi và Qatar¹⁶⁶, và giữa Ý và Tunisia¹⁶⁷, cả hai trường hợp đều vạch các ranh giới bao quanh các đảo nằm ở phía "bên trái" đường trung tuyến, nói một cách khác là không cho phép các đảo này ảnh hưởng đến việc vạch ranh giới biển. Các vòng tròn bao quanh đó tạo cho các đảo này có lãnh hải rộng 12 hải lý¹⁶⁸.

Trong việc hoạch định ranh giới biển ở Biển Đông, Indonesia và Malaysia đã cam kết giảm bớt giá trị của nhóm đảo Natuna của Indonesia rõ ràng do vì kích cỡ và sự cách biệt của chúng và rất có thể tạo ra cảm giác là không công bằng đối với Malaysia là quốc gia không có một "địa hình dạng đảo tương ứng" ở ngoài bờ biển của họ¹⁶⁹. Tương tự, Colombia và Panama đã cam kết "giảm bớt ảnh hưởng" của đảo Malpelo của Colombia khi họ hoạch ranh giới biển trong khu vực Thái Bình

¹⁶⁶ Tài liệu đã dẫn, trg. 408-409, 437-438, thảo luận về hiệp định ngày 20/3/1969, đã công bố trong *Tuyển tập các đường ranh giới quốc tế*, Tập A, số 18, Nhà Địa lý Mỹ, Bộ Ngoại giao.

¹⁶⁷ Jayewardene (chú giải số 141 ở trên), trg. 439-440, thảo luận về hiệp định ngày 20/8/1971, có hiệu lực ngày 6/12/1978.

¹⁶⁸ Hiệp định Ý - Tunisia đã cho ba trong số bốn đảo của Ý nằm bên phía Tunisia có một hải lý thêm lục địa bên ngoài lãnh hải.

¹⁶⁹ Xem Jayewardene (chú giải số 141 ở trên), trg. 418-19, tham khảo hiệp định ngày 27/10/1969, *Tuyển tập các đường ranh giới biển quốc tế*, Tập A, số 1, Nhà Địa lý Mỹ, Bộ Ngoại giao.

Dương, "có lẽ vì xét đến kích cỡ nhỏ và vị trí xa cách của nó"¹⁷⁰.

Đường ranh giới giữa đảo Jan Mayen hẻo lánh và lộng gió của Na Uy và Iceland đã được hoạch định một đoạn bằng thỏa thuận và một đoạn do Ủy ban hòa giải của hai quốc gia thiết lập¹⁷¹. Đảo Jan Mayen dài 30 hải lý và rộng 2 hải lý. Na Uy lại xây dựng một trạm phát thanh và khí tượng trên đảo này, tuy nhiên về mặt khác đảo này không có người định cư ở đó. Đảo Jan Mayen chỉ cách Iceland 290 hải lý, nhưng ủy ban này đã chấp thuận thỏa thuận giữa hai quốc gia là Iceland có vùng biển rộng 200 hải lý, mặc nhiên thừa nhận rằng đảo nhỏ Jan Mayen chắc chắn có khả năng ít hơn nhiều so với Iceland để tạo ra một vùng biển như vậy.

Một vụ tranh chấp khác liên quan đến các đảo xa bờ là trường hợp giữa Argentina và Chile, cả hai đều đã tuyên bố vùng lãnh hải rộng 200 hải lý xung quanh toàn bộ lục địa bờ biển các đảo¹⁷². Gần đây, họ đã giải quyết được một vụ tranh chấp kéo dài hàng thế kỷ liên quan tới các đảo nằm phía ngoài bờ biển Tierra del Fuego trong kênh đào Beagle trên cơ sở lời

¹⁷⁰ Jayewardene (chú giải số 141 ở trên), trg. 450-451, tham khảo hiệp định ngày 20/11/1976.

¹⁷¹ Ủy ban Hòa giải về khu vực thềm lục địa giữa Iceland và Jan Mayen, *Các văn bản pháp lý quốc tế* 20 (1981): 797; xem tài liệu đã dẫn, trg. 457-461; Briscoe (chú giải số 158 ở trên), trg. 135-136; Tanja (chú giải số 125 ở trên), trg 274-278.

¹⁷² Xem Tuyên bố của Tổng thống về thềm lục địa (23/6/1947), điều 1, tái bản trong A.Szekely, "Chile", trg. 13, và Luật số 17, 091-M24 (29/12/1966), điều 1, tái bản trong A.Szekely, "Argentina," trg. 20, cả hai nêu *Mỹ Latin và việc phát triển luật biển* (Dobbs Ferry, NY: Đại dương, 1980).

dễ nghị hoà giải của giáo hoàng¹⁷³. Các đảo lớn hơn có người định cư ở trong kênh này bị rất nhiều đảo đá và đảo nhỏ hơn không có người định cư bao bọc xung quanh. Giải pháp của cuộc tranh chấp này đã giới hạn yêu sách về biển của Chile bằng cách cho các đảo nhỏ hơn của Chile ở Đại Tây Dương phía ngoài bờ biển Tierra del Fuego của Argentina chỉ có hiệu lực nhỏ hơn hiệu lực toàn phần¹⁷⁴.

Những trường hợp khác về các đảo có hiệu lực một phần hay không có hiệu lực trong các thoả thuận hoạch định ranh giới bao gồm các thoả thuận giữa Indonesia và Singapore¹⁷⁵, Iran và Qatar¹⁷⁶, Bahrain và Saudi Arabia¹⁷⁷, Iran và United Arab Emirates (Dubai)¹⁷⁸, Canada và Đan Mạch

¹⁷³ Hiệp ước Hoà bình và Hữu nghị (Chile/Argentina), *Các văn bản luật pháp quốc tế* 24 (1985): 11, 12; "Đề nghị của Giáo hoàng trong vụ tranh chấp ở eo biển Beagle: Đề nghị của Tổng thống" (12/12/1980), *Các văn bản luật quốc tế* 24 (1985): 7.

¹⁷⁴ Xem Hiệp ước Hoà bình và Hữu nghị (chú giải số 173 ở trên), điều 7. Các đảo không người định cư Evert, Barnevelt và Horn chỉ có được vùng biển 12 hải lý ("Đề nghị của Giáo hoàng" [chú giải số 173 ở trên], điều 4 [A] [b] [4]).

¹⁷⁵ Xem Jayewardene (chú giải số 141 ở trên), trg. 373-74, tham khảo hiệp định ngày 25/5/1973, *Tuyển tập các ranh giới biển quốc tế*, Tập A, số 60, Nhà Địa lý Mỹ, Bộ Ngoại giao.

¹⁷⁶ Jayewardene (chú giải số 141 ở trên), trg. 395, 402, tham khảo hiệp định ngày 20/9/1969, *Tuyển tập các ranh giới biển quốc tế*, Tập A, số 25, Nhà Địa lý Mỹ, Bộ Ngoại giao.

¹⁷⁷ Jayewardene (chú giải số 141 ở trên), trg. 397-398, tham khảo hiệp định ngày 22/2/1958, *Tạp chí Luật quốc tế và so sánh* 7 (1958): 518.

¹⁷⁸ Jayewardene (chú giải số 141 ở trên), trg. 405-407, 426, tham khảo hiệp định ngày 31/8/1974, *Tuyển tập các ranh giới biển quốc tế*, Tập A, số 63, Nhà Địa lý Mỹ, Bộ Ngoại giao.

(Greenland)¹⁷⁹. Trong số những trường hợp này, những trường hợp trong khu vực vịnh Persian hoàn toàn có thể làm sáng tỏ tình hình ở Biển Đông bởi vì cả hai khu vực này đều là biển nửa kín.

Tóm lại, những việc phân xử gần đây, phán quyết của tòa án và các cuộc đàm phán đều gần như kiên quyết bác bỏ việc cho các đảo có hiệu lực đầy đủ trong việc hoạch định ranh giới biển¹⁸⁰. Vụ phân xử Anh-Pháp, những quan điểm của tòa án và nhiều hiệp ước song phương tất cả đều có thể hiện rằng các đảo

¹⁷⁹ Jayewardene (chú giải số 141 ở trên), trg. 431-432, 477, tham khảo hiệp định ngày 31/8/1974, *Tuyển tập các ranh giới biển quốc tế*, Tập A, số 72, Nhà Địa lý Mỹ, Bộ Ngoại giao.

¹⁸⁰ Ngoài ra, một vấn đề có ý nghĩa là các cuộc đàm phán gần đây giữa Mỹ với Venezuela và Mexico đã cho các đảo nhỏ hiệu lực hoàn toàn. Xem Hiệp ước đường ranh giới biển giữa Mỹ và Cộng hòa Venezuela (ký ngày 28/3/1978 và có hiệu lực ngày 24/11/1980), TIAS 9890; Hiệp ước về đường ranh giới biển giữa Mỹ và liên bang Mexico, S.Exec.Doc.F, Hội nghị lần thứ 96, kỳ họp thứ nhất (1979); Mark Feldman và David Colson, "Các đường ranh giới biển của Mỹ", *Báo Luật Quốc Tế của Mỹ* 75 (1981): 729, 735, 740.

Mỹ đã chấp nhận các yêu sách của Venezuela và Mexico không hoàn toàn do lòng vị tha mà do nhận thấy rằng sẽ giành được nhiều hơn trong các cuộc tranh chấp về ranh giới biển khác một khi tất cả các đảo nhỏ được phép có các vùng biển 200 hải lý với không giới hạn. Xem toàn tập Van Dyke, Morgan và Gurish (chú giải số 101 ở trên). Một bình luận viên đã nói rằng việc Mỹ chấp nhận cho "đảo nhỏ bé như đảo Aves [của Venezuela]" hiệu lực hoàn toàn là "một việc làm không có tiền lệ trong thực tiễn hoạch định ranh giới" (Janja [chú giải số 125 ở trên]), trg. 136).

Ví dụ khác liên quan tới những hiệp định mà đã sử dụng các địa hình dạng đảo rất nhỏ làm điểm cơ sở để xác định các đường cách đến trong việc giải quyết những tranh chấp về ranh giới, xem Symmons (chú giải số 106 ở trên), trg. 190-91.

không có quyền có các vùng biển giống như khối lục địa. Ngay cả các đảo có người định cư như Jersey và Guernsey ở eo biển nước Anh, đảo Kerkennah gần Tunisia, đảo Seal trong vịnh Maine, đảo chính của Malta cũng không tạo ra những vùng biển mở rộng hoàn toàn khi tác động của việc mở rộng đó mâu thuẫn với yêu sách của quốc gia khác thuộc khối lục địa.

TÓM TẮT VÀ KẾT LUẬN

Cuộc tranh chấp về ranh giới biển ở Biển Đông là một trong những cuộc tranh chấp về ranh giới biển có tác động gây chia rẽ nhất trên thế giới, và nó là một trong số vài nơi đã xảy ra dụng độ quân sự liên quan đến vấn đề ranh giới biển. Tất cả các quốc gia nằm bao quanh vùng biển mía kín này đều muốn có phần nguồn tài nguyên hydrocarbon tiềm tàng trong vùng biển này, và mỗi quốc gia dường như nghĩ rằng việc kiểm soát một vài hay tất cả những địa hình dạng đảo nằm cách biệt và rải rác trên biển là yếu tố quyết định cho đòi hỏi của họ đối với nguồn tài nguyên này. Trong vài năm gần đây, tình hình căng thẳng trong khu vực đã và đang tăng lên, và vị trí pháp lý, chính trị và quân sự của mỗi quốc gia đã và đang vững mạnh hơn¹⁸¹.

¹⁸¹ Trong năm 1992, tình trạng căng thẳng lại tăng lên giữa Trung Quốc và Việt Nam khi Quốc hội CHND Trung Hoa thông qua Luật Lãnh hải, trong đó khẳng định quyền của Trung Quốc sử dụng lực lượng hải quân để kiểm soát các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa và sau đó đã dựng một mốc đòi chủ quyền mới trên một hòn đá ngầm của quần đảo Trường Sa (Thời báo Los Angeles, "Hai thù truyền kiếp giữa Việt Nam và Trung Quốc", *Honolulu Advertiser* [ngày 4/7/1992]; trg. B-1, cột 1; Associated Press, "Tranh chấp quần đảo Trường Sa đang tăng lên", *Honolulu Advertiser* [ngày 9/7/1992]; trg. D-1, cột 3).

Luật quốc tế không có thể đóng vai trò chính trong việc tháo gỡ cuộc tranh chấp này, nhưng ít nhất nó cũng có tầm quan trọng là tất cả các quốc gia nằm dưới các tiêu chuẩn luật pháp quốc tế để giải quyết tình huống loại này. Không thể chấp nhận các đảo rất nhỏ ở Biển Đông lại có vai trò quyết định trong việc xác định các ranh giới của khu vực này phải được vạch như thế nào. Thực tế, phần lớn các đảo rất nhỏ này chưa bao giờ có dân cư sinh sống và tự chúng không có đời sống kinh tế riêng. Hiện nay, chỉ có đảo Phú Lâm (Woody) ở quần đảo Hoàng Sa có một lượng nhỏ dân cư sinh sống¹⁸². Còn lại tất cả những đảo khác hầu hết là các đơn vị quân đội hoặc trạm khí tượng, thường được thiết lập hoàn toàn cho mục đích khống định chủ quyền đối với các đảo nổi và tài nguyên ở vùng biển xung quanh.

Hiện nay, điều quan trọng hơn là không thể biến một địa hình nổi dạng đảo kiểu như một "đảo đá" không có quyền có một vùng đặc quyền về kinh tế hay thêm "lực lượng" thành một "đảo" có quyền đó¹⁸³. Địa hình loại này phải đảm bảo có được

Trong cùng thời gian này, một cuộc họp đã được tổ chức ở Jogjakarta, Indonesia - các đại diện Brunei, Trung Quốc, Indonesia, Lào, Malaysia, Philippine, Singapore, Đài Loan, Thái Lan và Việt Nam đã tham dự - ở đó các đại biểu đã cam kết không dùng vũ lực trong giải quyết những yêu sách trùng lấn ở Biển Đông và để nghiên cứu liệu các tài nguyên ở đó có thể được khai thác chung hay không (Star Bulletin News Services, "Những đối thủ ở quần đảo Trường Sa thúc đẩy việc phái quân sự trong giải quyết những yêu sách", *Honolulu Star Bulletin* [ngày 2/7/1992]; trg. A-15, cột 1).

¹⁸² Xem nội dung trong chú giải số 7. Đảo Ba Bình ở quần đảo Trường Sa hiện nay có 600 lính Đài Loan. Xem chú giải số 17.

¹⁸³ Công ước 1982 (chú giải số 98), điều 121(3).

¹⁸⁴ Tài liệu đã dẫn, điều 121(1)-(2).

một lượng dân số ổn định trong mọi thời điểm, những người sống trên đất liền có những nguyên nhân khác hơn là chỉ để bảo vệ yêu sách của dân cư ở xa đối với các tài nguyên của vùng biển nằm tiếp giáp. Các vùng biển mở rộng được trao cho các quốc gia vì lẽ tự nhiên người dân sống vùng ven biển phải được quyền quyền lý nguồn tài nguyên ở vùng biển tiếp giáp nhằm đáp ứng cho lợi ích kinh tế của họ¹⁸⁵. Ở nơi nào không có dân cư ven biển sống thực sự thì không thể vận dụng lý do đó, và những nhân tố khác sẽ xác định ranh giới biển nên được vẽ như thế nào như tòa án quốc tế và tòa trọng tài khác đã định.

Trong Biển Đông, những nhân tố như chiều dài đường bờ biển, số lượng dân cư vùng ven biển và quá trình sử dụng biển đã có trong lịch sử nên đóng vai trò đáng kể, quan trọng hơn quyền sở hữu các đảo rất nhỏ ở quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa trong việc hoạch định ranh giới biển. Các đảo nhỏ này chỉ có quyền có lãnh hải rộng 12 hải lý¹⁸⁶, vì vậy nên vẽ các đảo biển rộng 12 hải lý xung quanh các đảo đó, nói một cách khác chúng không đóng vai trò to lớn để quyết định ranh giới biển nên được vẽ ở đâu. Ngay cả đảo Phú Lâm cũng chỉ nên có bản hiệu lực hoặc một phần hiệu lực trong việc giải quyết ranh giới ở khu vực biển quanh đảo này.

Vì cuộc tranh chấp về ranh giới biển này rất khó giải quyết, do đó cùng với các nỗ lực thiết lập các ranh giới biển hiện nay, các quốc gia xung quanh Biển Đông có thể nên cố gắng hình thành sự hợp tác phát triển để các tài nguyên có thể được khai thác cho tất cả các dân tộc trong khu vực này. Trong

¹⁸⁵ Van Dyke, Morgan và Gurish (chú giải số 101), trg. 437-39, 486-87.

¹⁸⁶ Công ước 1982 (chú giải số 98), điều 121.

bất cứ trường hợp nào và trong nỗ lực nhằm giành phần phân chia tài nguyên, các quốc gia không nên quá chú ý đến các đảo nhỏ của khu vực này /.

Người dịch : Bùi Kim Thủy

Hiệu đính : Nguyễn Quang Vinh.